

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Như Quỳnh

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
VIC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Như Quỳnh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Như Quỳnh Mã SV: 1412401076

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: **Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong Doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

- Sử dụng số liệu năm 2017

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường Đại học Dân lập Hải Phòng

- Nội dung hướng dẫn: Kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương :

Chương 1, Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2, Sau khi giới thiệu khái quát về xí nghiệp, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, Sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2019

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1:NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:.....	2
1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:.....	2
1.1.2. Đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:	3
1.1.2.1. Đặc điểm của vốn bằng tiền:.....	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:	4
1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:	4
1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:.....	6
1.2.1.Nguyên tắc quản lý vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:	6
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	7
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:	8
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán:.....	9
Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VNĐ)	10
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)	11
Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt (Vàng tiền tệ).....	12
1.2.2. Tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng:	13
1.2.2.1 Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng:	13
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:	14
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:	14
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:.....	15
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ).....	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)	17
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Vàng tiền tệ)	18
1.2.3. Tổ chức kế toán tiền đang chuyên:	18
1.2.3.1 Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyên:	18
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:	19
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:	19

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán:.....	19
Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển	20
1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	20
1.3.1. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung.....	21
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	22
1.3.2.Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	22
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	23
1.3.3. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	24
1.3.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:.....	25
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ	26
1.3.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính	26
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	27
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC	28
2.1. Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC :.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC:	28
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.	30
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty:	30
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC:	32
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:.....	32
2.1.4.2. Hình thức kế toán:	33
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:	33
Sơ đồ 2.1.4.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC:	35

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC:	35
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	35
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:	36
2.2.1.3. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty:	36
2.2.1.4. Một số ví dụ minh họa:	37
Biểu số 2.2: (Trích phiếu chi 02/04)	39
Biểu số 2.3 (Trích hóa đơn số 0001007).....	40
Biểu số 2.4: (Trích phiếu thu 01/04).....	41
Biểu số 2.5: Phiếu báo nợ.....	42
Biểu số 2.6: (Trích phiếu thu 27/04).....	43
Biểu số 2.7: (Trích sổ quỹ tiền mặt)	44
Biểu số 2.8: (Trích sổ nhật ký chung).....	46
Biểu số 2.9: (Trích sổ cái tài khoản 111)	48
2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Thương mại VIC	50
2.2.1 Chứng từ sử dụng:	50
2.2.2 Tài khoản sử dụng	50
2.2.3 Quy trình hạch toán:	50
Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng.....	51
2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa:	51
Biểu số 2.10: Phiếu báo có	52
Biểu số 2.11 : (Trích giấy UNC).....	53
Biểu số 2.12: Phiếu báo có	54
Biểu số 2.13: (Trích sổ nhật ký chung).....	56
Biểu số 2.14: (Trích sổ cái tài khoản)	58
Biểu số 2.15: Sổ tiền gửi ngân hàng	60
Biểu 2.16: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng.....	62
CHƯƠNG 3:MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG	
THƯƠNG MẠI VIỆT KHÁNH	64

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương mại VIC:	64
3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền:	64
3.1.2. Hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền :	67
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương mại VIC:	68
3.2.1. Giải pháp 1: Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC:	68
3.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ định kỳ :	76
3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ:.....	79
KẾT LUẬN	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VNĐ).....	10
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)	11
Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt (Vàng tiền tệ).....	12
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ).....	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)	17
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Vàng tiền tệ)	18
Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển	20
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	22
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	23
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	24
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ	26
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	27
Sơ đồ 2.1.4.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	34
Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng.....	51

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.2: (Trích phiếu chi 02/04)	39
Biểu số 2.3 (Trích hóa đơn số 0001007).....	40
Biểu số 2.4: (Trích phiếu thu 01/04)	41
Biểu số 2.5: Phiếu báo nợ	42
Biểu số 2.6: (Trích phiếu thu 27/04)	43
Biểu số 2.7: (Trích sổ quỹ tiền mặt)	44
Biểu số 2.8: (Trích sổ nhật ký chung).....	46
Biểu số 2.9: (Trích sổ cái tài khoản 111)	48
Biểu số 2.10: Phiếu báo có	52
Biểu số 2.11 : (Trích giấy UNC).....	53
Biểu số 2.12: Phiếu báo có	54
Biểu số 2.13: (Trích sổ nhật ký chung)	56
Biểu số 2.14: (Trích sổ cái tài khoản)	58
Biểu số 2.15: Sổ tiền gửi ngân hàng	60
Biểu 2.16: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng	62

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng, vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại, và là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình hoạt động sản xuất của mình, đồng thời là công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế của Nhà nước và doanh nghiệp.

Nắm bắt được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC, được sự hướng dẫn trực tiếp của Ths.Nguyễn Thị Thúy Hồng và cán bộ trong phòng kế toán em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, và mạnh dạn chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC**” làm đề tài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận ngoài Lời mở đầu và Kết luận, gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khóa luận của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2019

Sinh viên

Nguyễn Thị Như Quỳnh

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền:

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi về cả hình thái biểu hiện lẫn quy mô. Quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực, là một bộ phận của tài sản lưu động tồn tại trực tiếp dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán, mua sắm hoặc chi phí sản xuất của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên và liên tục.

-Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

+ Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), mác Đức (DM), Yên Nhật (JPY), ...

+ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

-Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

+ Tiền tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hằng ngày trong sản xuất kinh doanh.

+ Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản Ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Đặc điểm và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

1.1.2.1. Đặc điểm của vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì vậy trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi việc bị lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất Nhà nước.

Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ và kế hoạch đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

-Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ sổ sách kế toán – những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt.

-Lập các bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

-Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.

-Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi tránh việc phát hành séc quá số dư.

-Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền cần thực hiện tốt các nghiệp vụ sau:

-Phản ánh kịp thời tình hình thu, chi, tồn quỹ vốn bằng tiền và tình hình chấp hành mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng các loại vốn bằng tiền.

-Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tài khoản ngân hàng, hằng ngày giám đốc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

-Phản ánh các khoản tiền đang chuyển kịp thời, phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp kịp thời thích hợp giải phóng tiền đang chuyển.

-Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình các loại vàng bạc, kim khí, đá quý, ngoại tệ.

-Giám sát việc chấp hành chế độ quy định về quản lý các loại vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và hiệu quả cao.

-Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

-Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

-Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

-Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, có thể áp dụng một trong 03 phương pháp xuất kho sau:

- + Bình quân gia quyền.
- + Nhập trước – xuất trước.
- + Giá thực tế đích danh.

Thuy nhiên, do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính chất tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515, hoặc TK 635.

-Trường hợp kế toán vốn bằng tiền liên quan tới ngoại tệ : Theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

-Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

- + Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ.
- + Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ.
- + Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện.
- + Mua hoặc thanh lý các tài sản, phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ.

-Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

-Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

-Các giao dịch làm tăng vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch để ghi sổ kế toán.

-Các giao dịch làm giảm vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán.

-Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đơn vị tiền tệ kế toán (VNĐ) thì được hạch toán theo tỷ giá thực tế mua hoặc thực tế bán.

Cuối niên độ kế toán (ngày lập bảng cân đối kế toán) các khoản mục tiền tệ phải được báo cáo theo tỷ giá cuối kỳ, đó là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm.

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phải phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp có hoạt động đầu tư XDCB) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB – Giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.2.1. Nguyên tắc quản lý vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và đầy đủ chữ ký của người nhận tiền, người giao tiền và người cho phép nhập xuất

quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập ỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hằng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải kiểm tra để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Khi phát sinh các nghiệp vụ có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán).

- Khi xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711 : Thu nhập khác, hoặc TK 811: Chi phí khác.

- Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo đúng giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu: Mẫu số 01- TT
- Phiếu chi: Mẫu số 02- TT
- Giấy đề nghị tạm ứng: Mẫu số 03- TT
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng: Mẫu số 04- TT

- Giấy đề nghị thanh toán: Mẫu số 05- TT
- Biên lai thu tiền: Mẫu số 06- TT
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Mẫu số 07- TT
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ): Mẫu số 08a- TT
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ vàng, bạc, kim khí quý, đá quý):

Mẫu số 08b- TT

- Bảng kê chi tiền: Mẫu số 09 - TT

Trong đó:

- Phiếu thu: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi: Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị tạm ứng: Là chứng từ liệt kê các tài khoản đã nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.

- Giấy đề nghị thanh toán: Dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh toán, hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

- Biên bản kiểm kê (Dùng cho tiền Việt Nam): Là bằng chứng xác nhận số tiền mặt Việt Nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ, làm cơ sở xác định trách nhiệm vật chất và bồi thường cũng như là căn cứ để điều chỉnh số tiền tồn quỹ trên sổ sách kế toán theo số tiền tồn quỹ thực tế.

- Biên lai thu tiền: Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

- Bảng kê chi tiền: Là căn cứ để quyết toán kinh phí cho đại biểu tham dự hội thảo tập huấn. Áp dụng cho các cuộc hội thảo, tập huấn diễn ra nhiều ngày, tiền chỉ thanh toán một lần vào ngày cuối hội thảo.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 111 – “**Tiền mặt**”:

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiệu có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111 – “Tiền mặt”:

- Bên nợ:
 - + Phản ánh các loại tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
 - + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).
- Bên có:
 - + Phản ánh các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý xuất quỹ.
 - + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - + Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).
- Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý còn tồn ở quỹ.

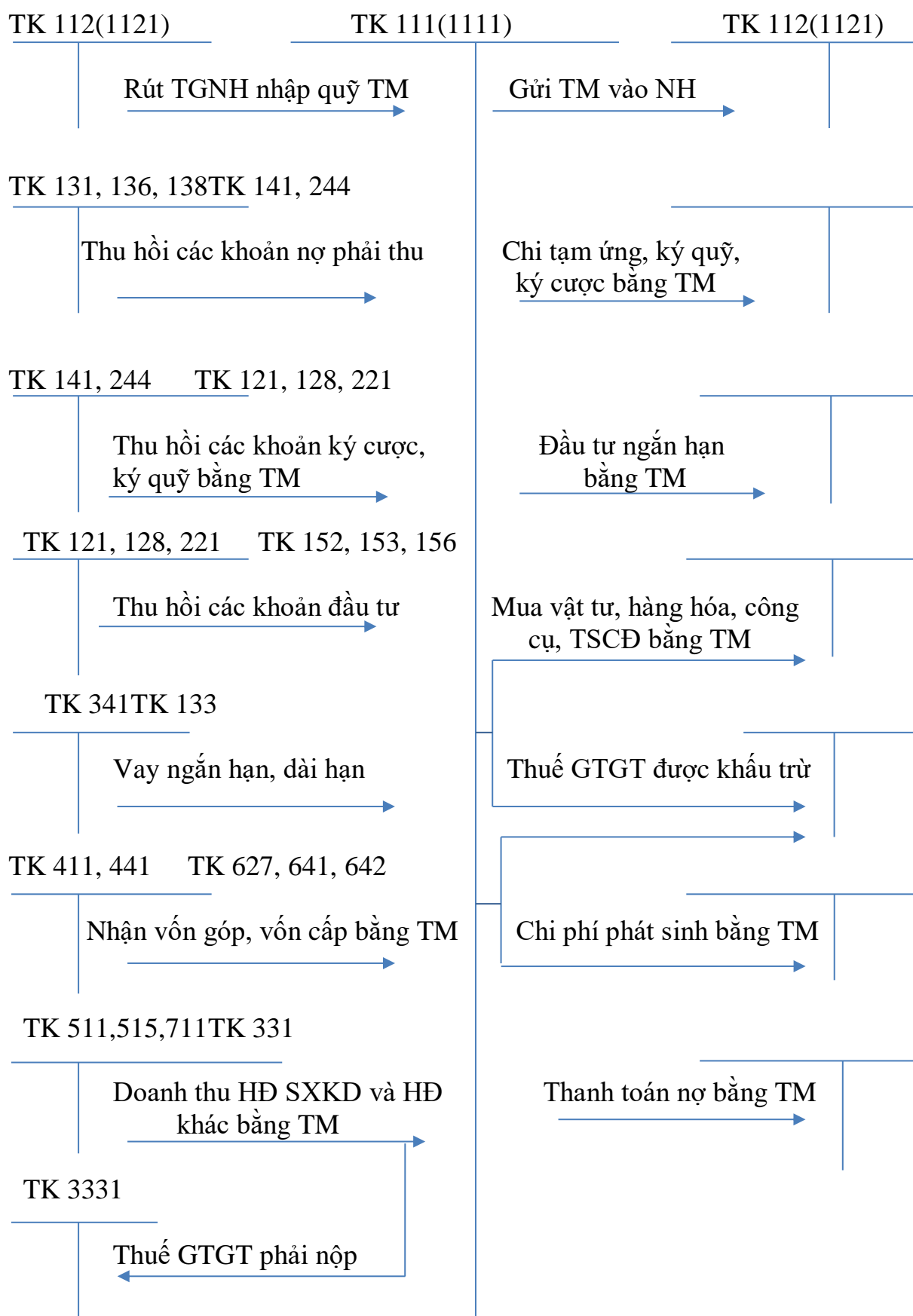
TK 111 – “Tiền mặt” có 03 tài khoản cấp 2:

- TK 1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1113 – Vàng bạc, kim khí, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập xuất tồn quỹ.

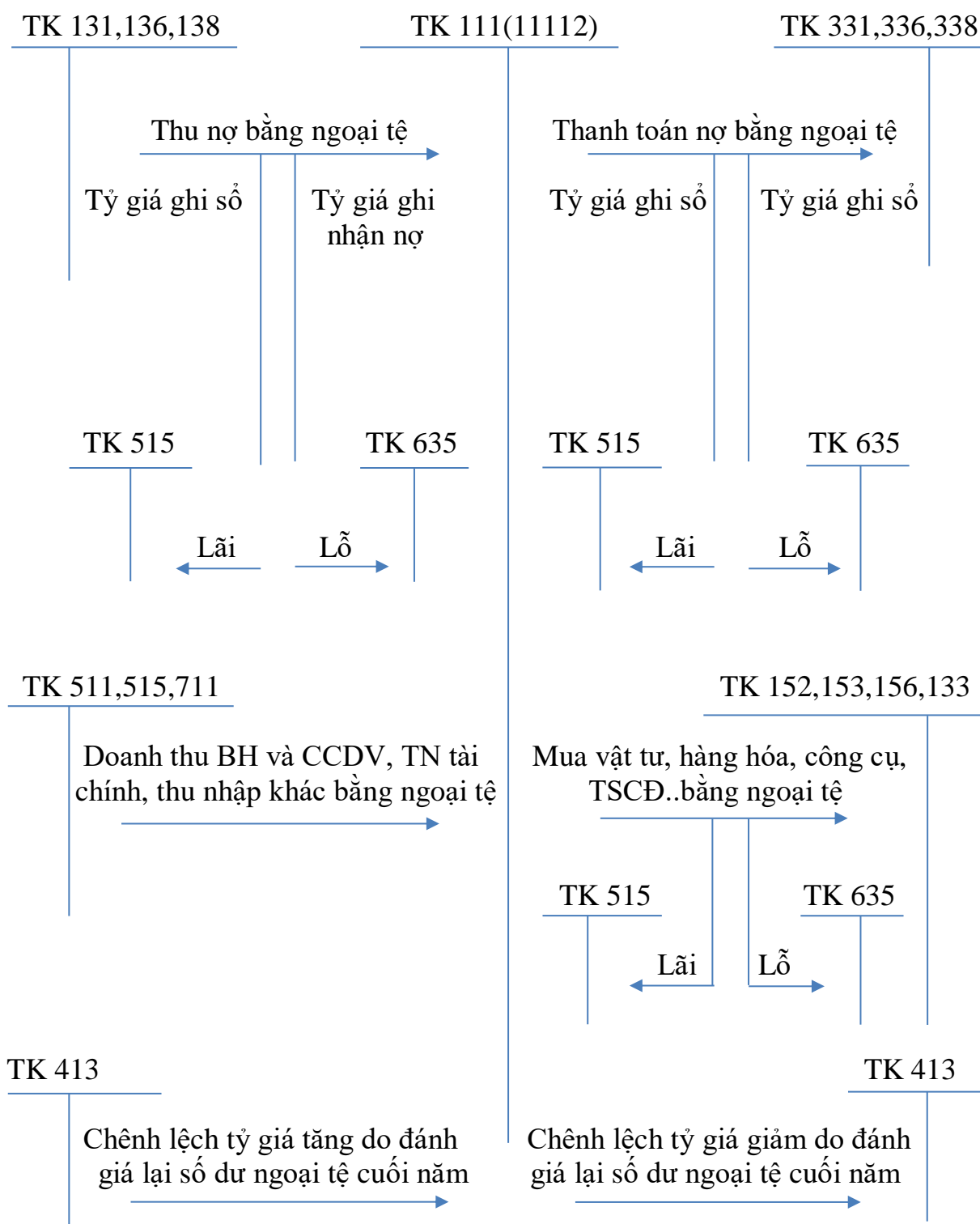
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được phản ánh qua **sơ đồ 1.1, 1.2, 1.3** như sau:

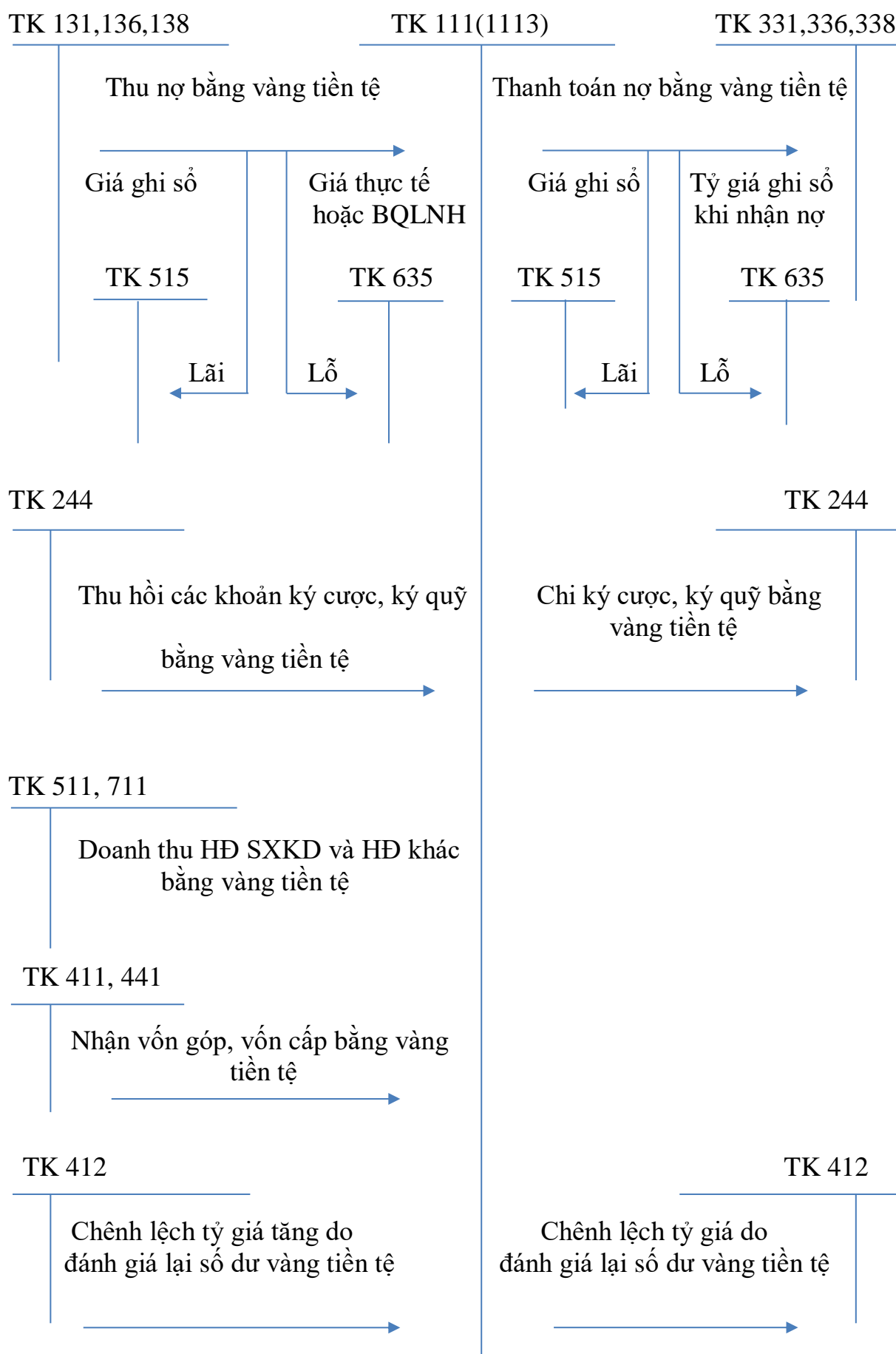
Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VND)



Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt (Vàng tiền tệ)



1.2.2. Tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng:

1.2.2.1 Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

Tiền của các doanh nghiệp phần lớn được gửi ở các Ngân hàng, kho bạc hoặc của các Công ty tài chính để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi có nhu cầu thanh toán một khoản chi phí nào đó bằng tiền gửi Ngân hàng, Công ty phải thực hiện thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Nhiệm vụ này do kế toán thanh toán với Ngân hàng đảm nhiệm. Số lãi thu được từ khoản tiền gửi ngân hàng được hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính.

Khi nhận được chứng từ do Ngân hàng gửi đến, kế toán tiền gửi ngân hàng của Công ty tiến hành kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách của Công ty với chứng từ của Ngân hàng gửi đến thì kế toán tiền gửi Ngân hàng phải thông báo với Ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu và xử lý. Nếu số liệu hai bên đã cân đối, kế toán tiền gửi hạch toán chi tiết trên sổ tiền gửi Ngân hàng để theo dõi cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Khi chứng nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh, xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 388 – Phải trả, phải nộp khác (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi trên sổ.

Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

Căn cứ để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là:

- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bản sao kê
- Số phụ tài khoản
- Hóa đơn giá trị gia tăng, dịch vụ mua vào, bán ra.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 112 – “**Tiền gửi Ngân hàng**”.

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các ngân hàng và Công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112 – “**Tiền gửi Ngân hàng**”.

-Bên Nợ:

- + Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

-Bên Có:

- + Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (Đối với tiền gửi ngoại tệ).

-Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền gửi ở Ngân hàng, các tổ chức hành chính hiện còn tại các Ngân hàng.

TK 112 – “Tiền gửi Ngân hàng” có 03 tài khoản cấp 2:

-TK 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

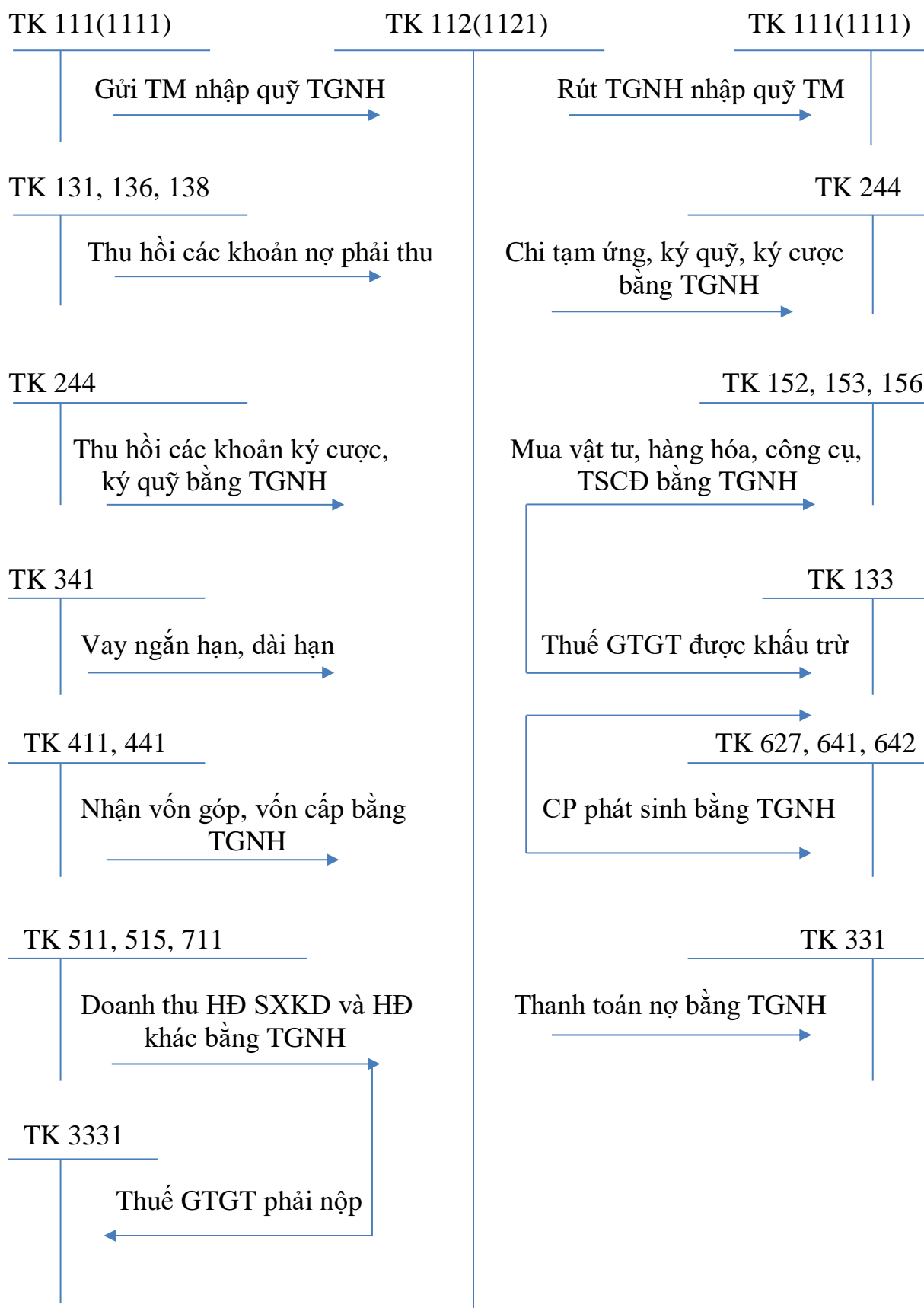
-TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại các Ngân hàng bằng ngoại tệ, các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

-TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi vào, rút ra hiện đang gửi tại Ngân hàng.

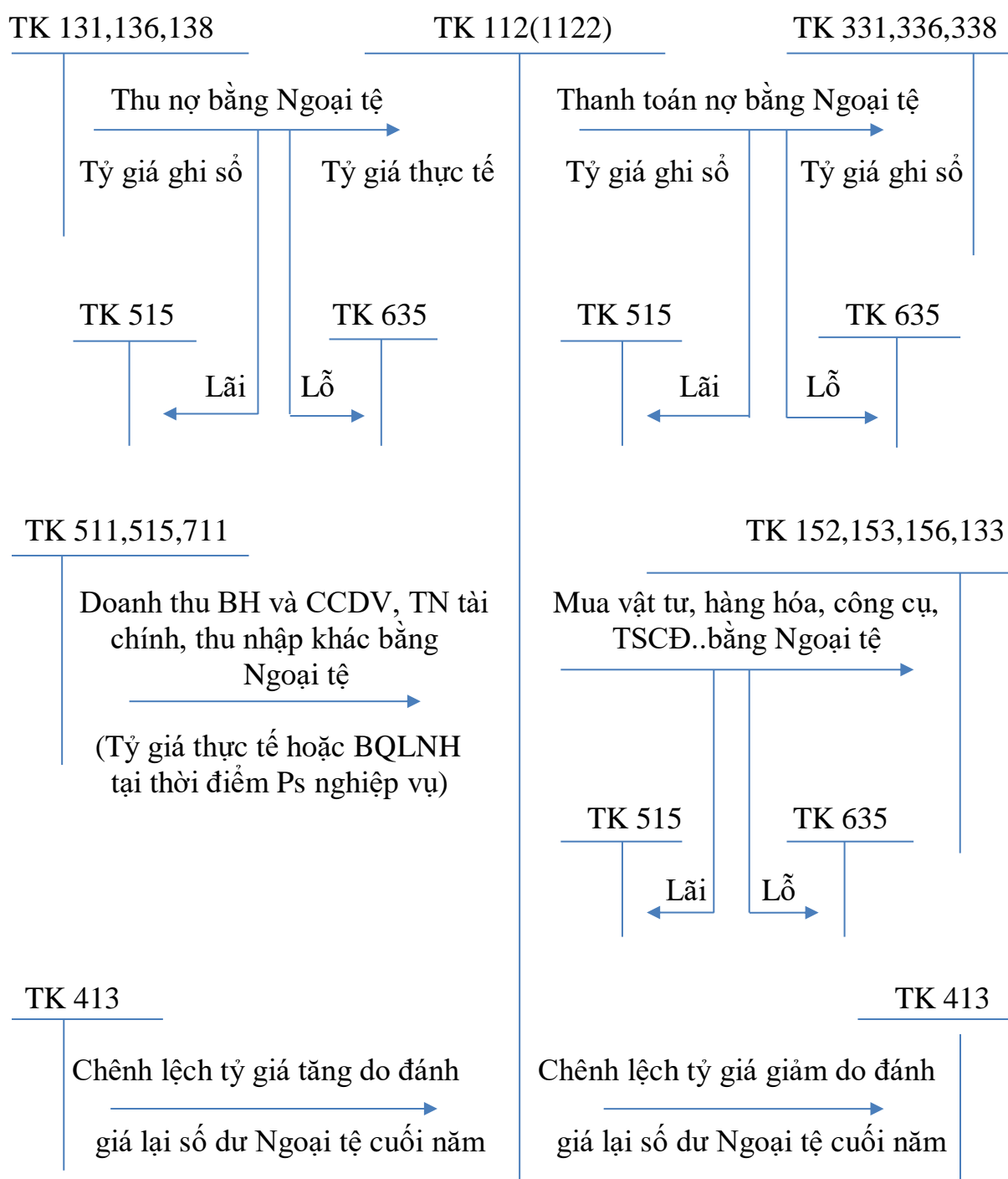
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền gửi Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, Ngoại tệ được phản ánh qua **sơ đồ 1.4, 1.5** như sau:

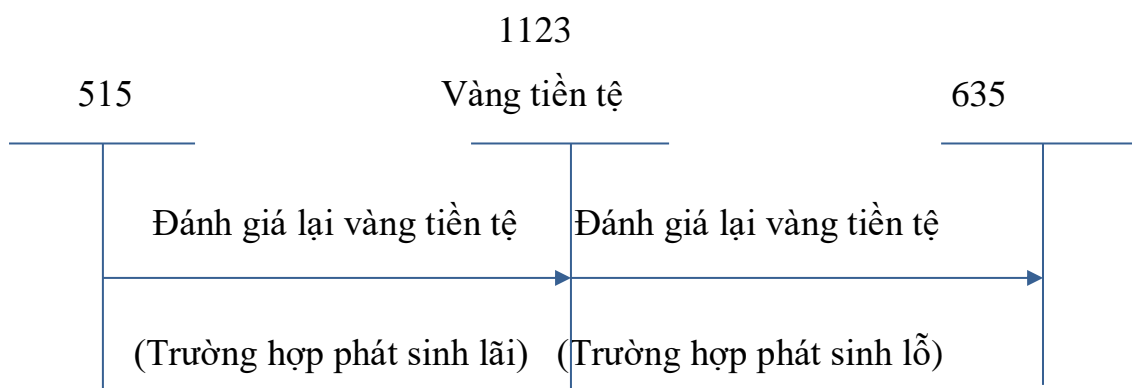
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Vàng tiền tệ)



1.2.3. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển:

1.2.3.1 Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ giá trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay giấy bản sao kê của Ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và Ngoại tệ các loại phát sinh trong trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc súc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc giấy báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn, giá trị của Séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng các chứng từ:

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Các khoản chứng từ liên quan khác.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 113 – “**Tiền đang chuyển**”:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho các Ngân hàng, trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

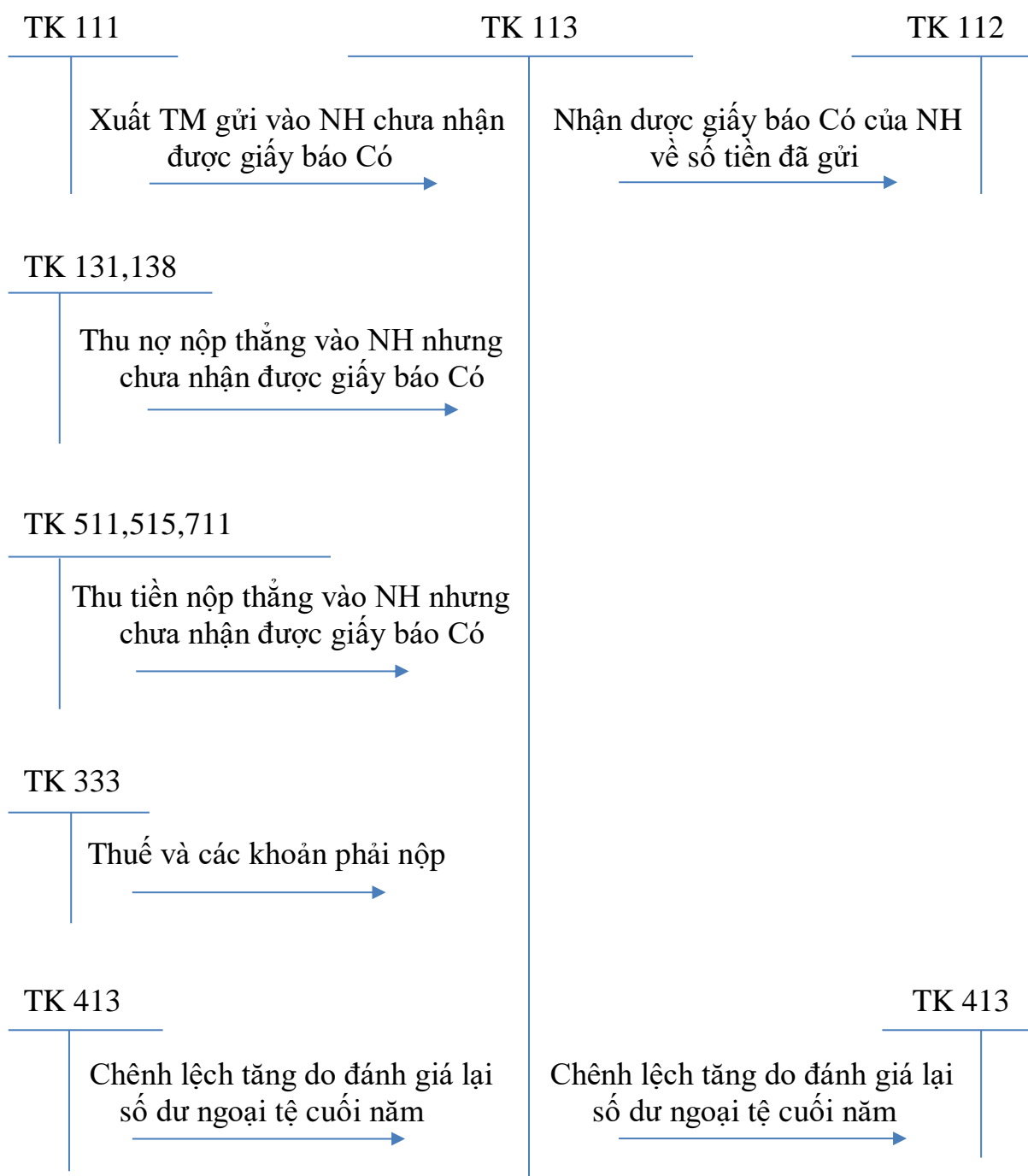
Kế cấu và nội dung phản ánh của TK 113 – “**Tiền đang chuyển**”:

- Bên Nợ:
 - + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, Séc đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã chuyển qua bưu điện để chuyển vào Ngân hàng.
 - + Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
 - Bên Có:
 - + Số kết chuyển vào TK 112 – Tiền gửi và các tài khoản có liên quan.
 - + Chênh lệch giảm tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
 - Số dư bên Nợ: Phản ánh các khoản tiền hiện còn đang chuyển.
- Tài khoản 113- “**Tiền đang chuyển**” có 02 tài khoản cấp 2:
- TK 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - TK 1132 – Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán:

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua **sơ đồ 1.7** như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển



1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo

hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1 . Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

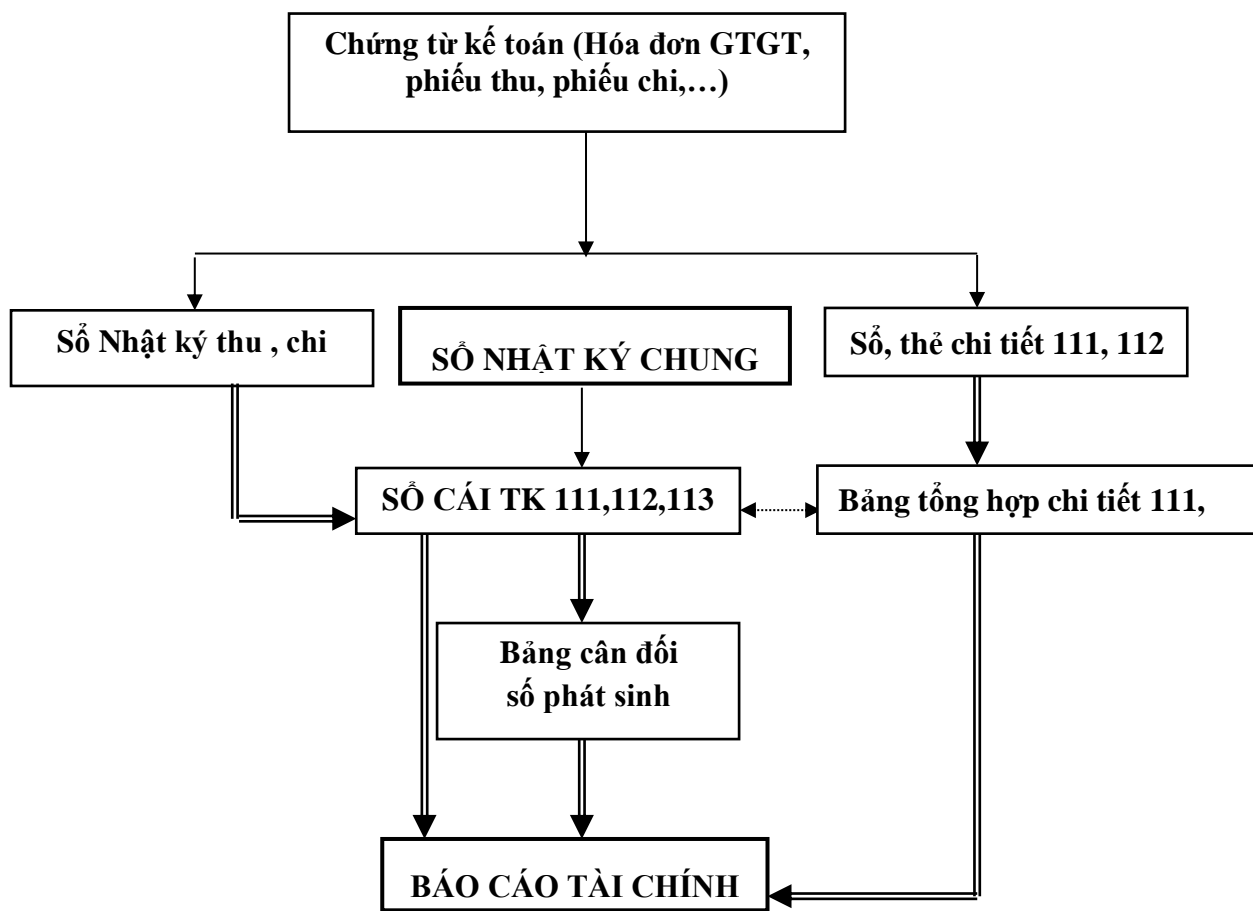
-Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ, loại hình hoạt động đơn giản, trình độ cán bộ kế toán và cán bộ quản lý ở mức độ khá. Dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

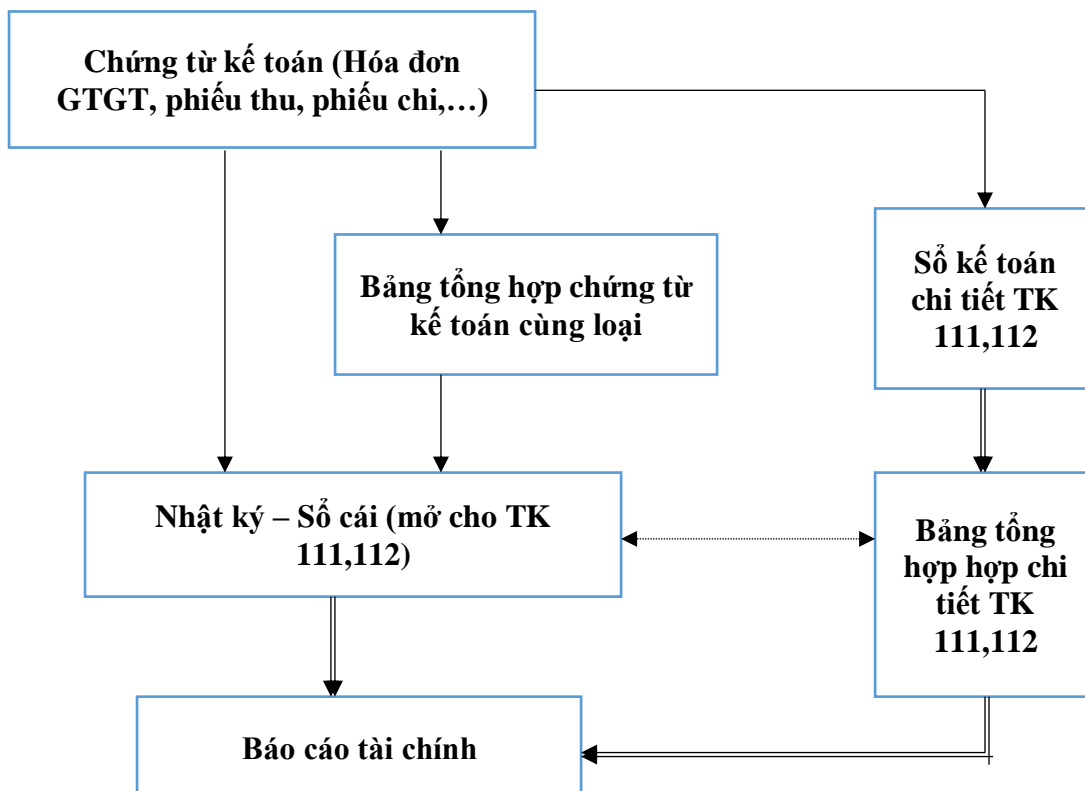
1.3.2. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ cán bộ quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

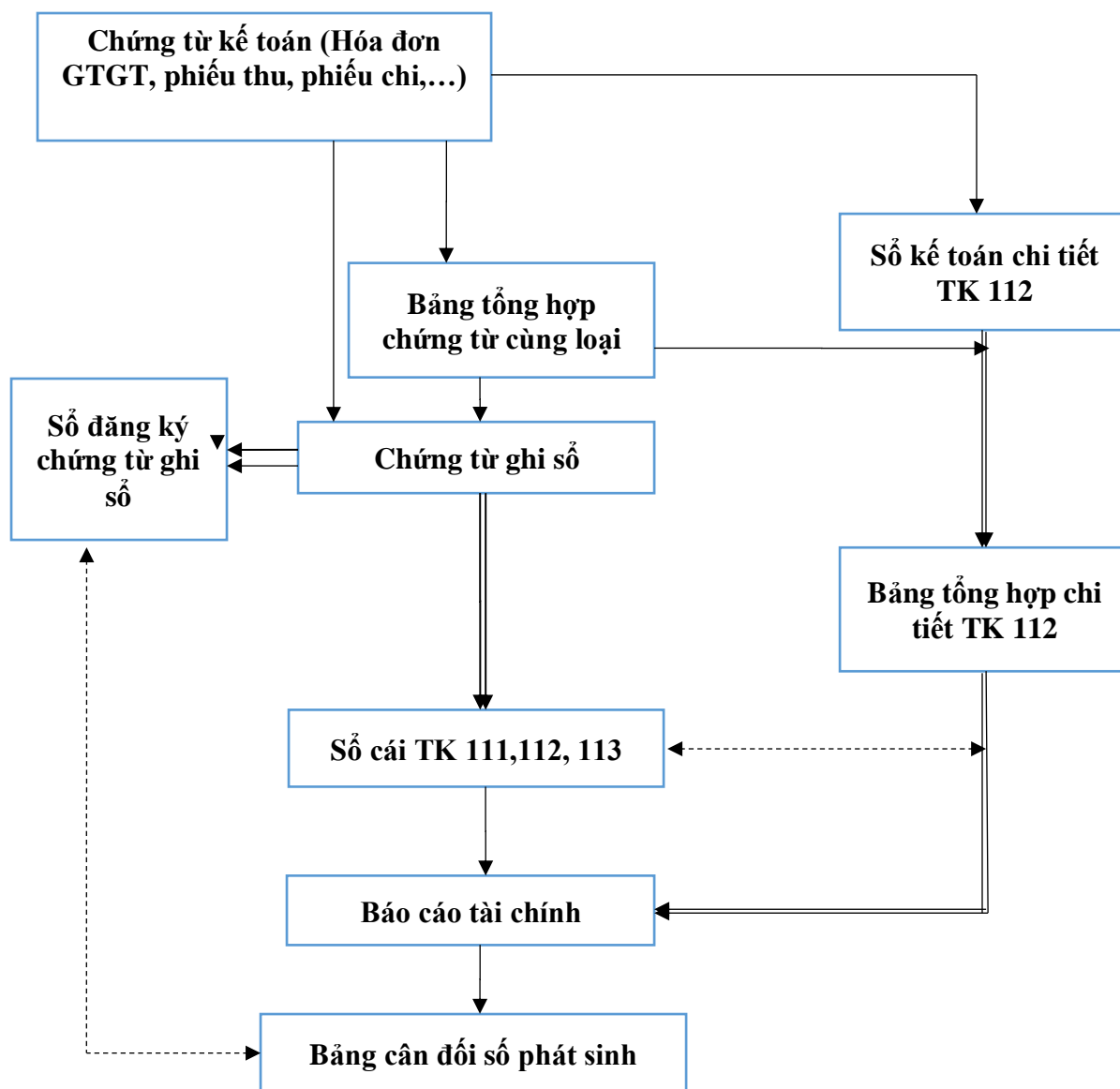
1.3.3. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy. Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

-Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký –

Chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

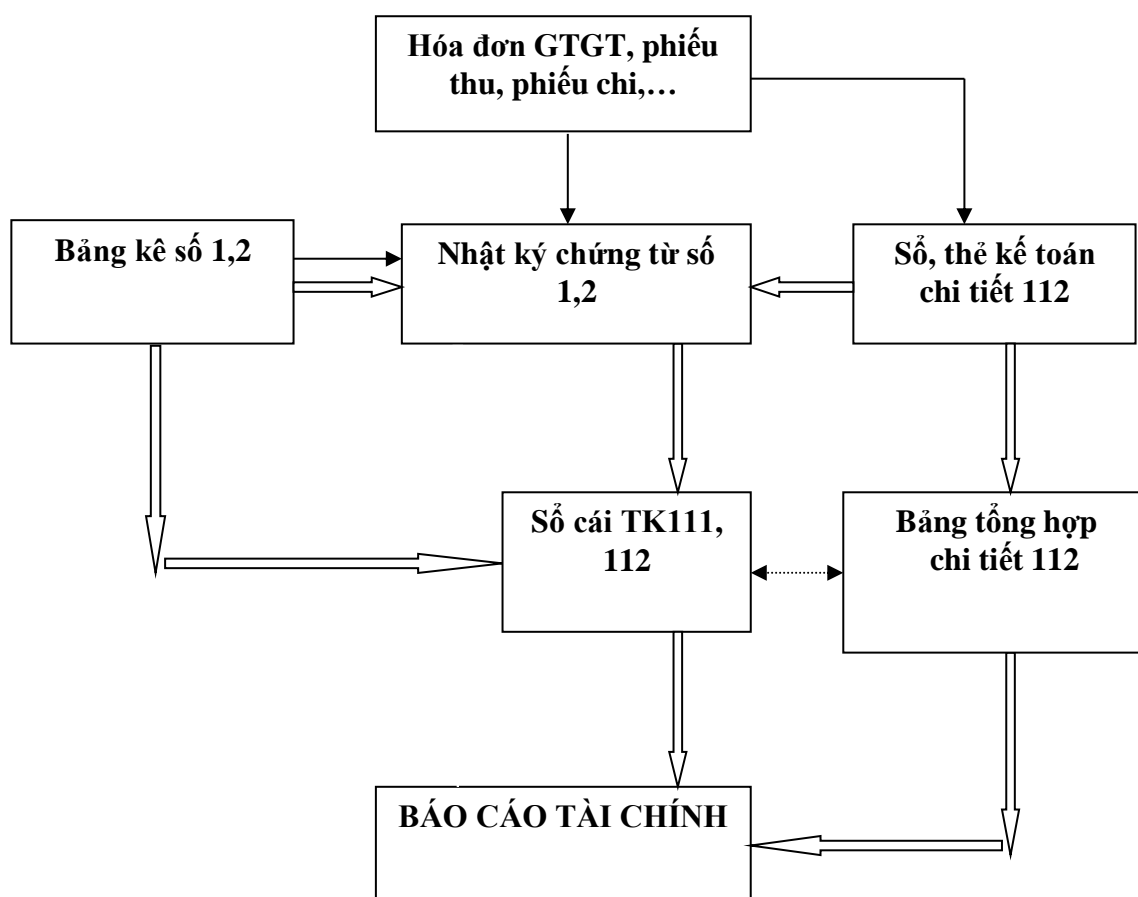
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối tượng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

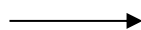
Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

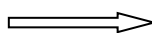


Ghi chú:

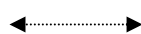
Ghi hàng ngày



Ghi cuối kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ
1.3.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán

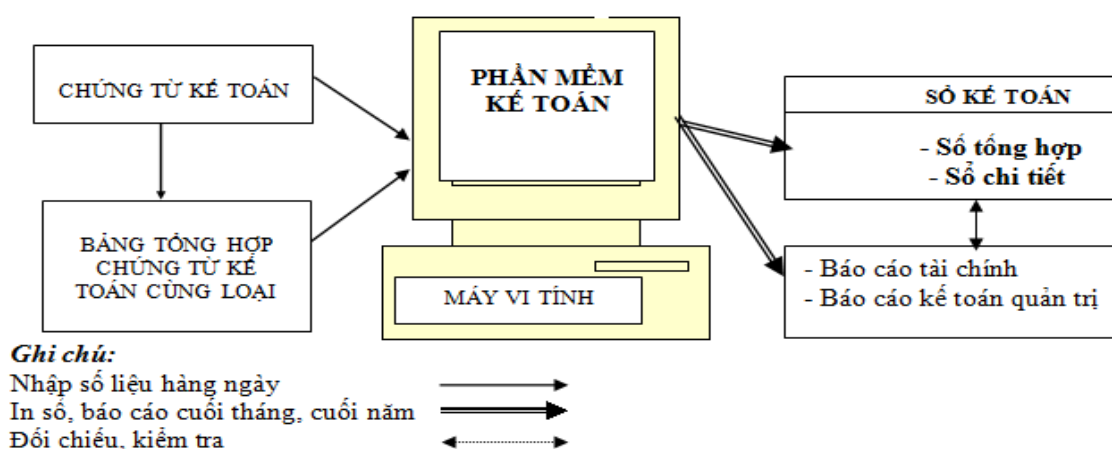
Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

-Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

-Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC

2.1. Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC :

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC:

a. Tên, địa chỉ:

Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty TNHH thương mại VIC.

Tên công ty viết bằng tiếng anh: VIC Trading Company Limited

Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng.

Số tài khoản: 3408659 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Hải Phòng

Số tài khoản : 2561100668008 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt

Nam

Số tài khoản: 2100311000443 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam

Mã số thuế : 0200358184

b. Giấy phép đăng ký kinh doanh:

c. Lĩnh vực kinh doanh:

Nghành nghề chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu **Con Heo Vàng**.

Ngoài ra còn kinh doanh thuốc thú y và nuôi trồng thủy sản hải sản.

d. Quá trình hoạt động qua các năm:

Được chính thức thành lập 27/4/1999.

Những ngày đầu thành lập công ty gặp nhiều khó khăn: Nhà xưởng phải đi thuê, nhân công chỉ đếm trên đầu ngón tay và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Một thương hiệu Việt Nam rất sớm được hình thành và chấp nhận sự cạnh tranh không cân sức trên thị trường. Trong một bối cảnh mà các công ty

nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như Con cò, Higo ...

Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Đặc biệt năm 2002 – đánh dấu một sự kiện đặc biệt khi công ty khánh thành nhà máy **Con heo vàng** tại Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu **Con heo vàng** bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Với tốc độ tăng trưởng nhiều năm liên tục ở mức khá cao từ 150 – 200% đã tạo đà cho công ty có bước phát triển đột phá.

Tiếp theo nhà máy Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: sản phẩm cho gia súc, gia cầm, đại gia súc công ty còn sản xuất các sản phẩm cho cá tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng.

Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu **Con heo vàng** thì nay công ty đã có thương hiệu Ông Tiên, Thạch Sanh Thần, Cá Vàng, Heo vàng, Vàng 10. Thương hiệu **Con heo vàng** đã đăng ký thương hiệu tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào.

Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu **Con heo vàng** đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao

Từ chỗ chỉ có vài chục công nhân đến nay công ty đã có gần 800 cán bộ công nhân viên với thu nhập bình quân đạt gần 4,5 triệu/ người/ tháng.

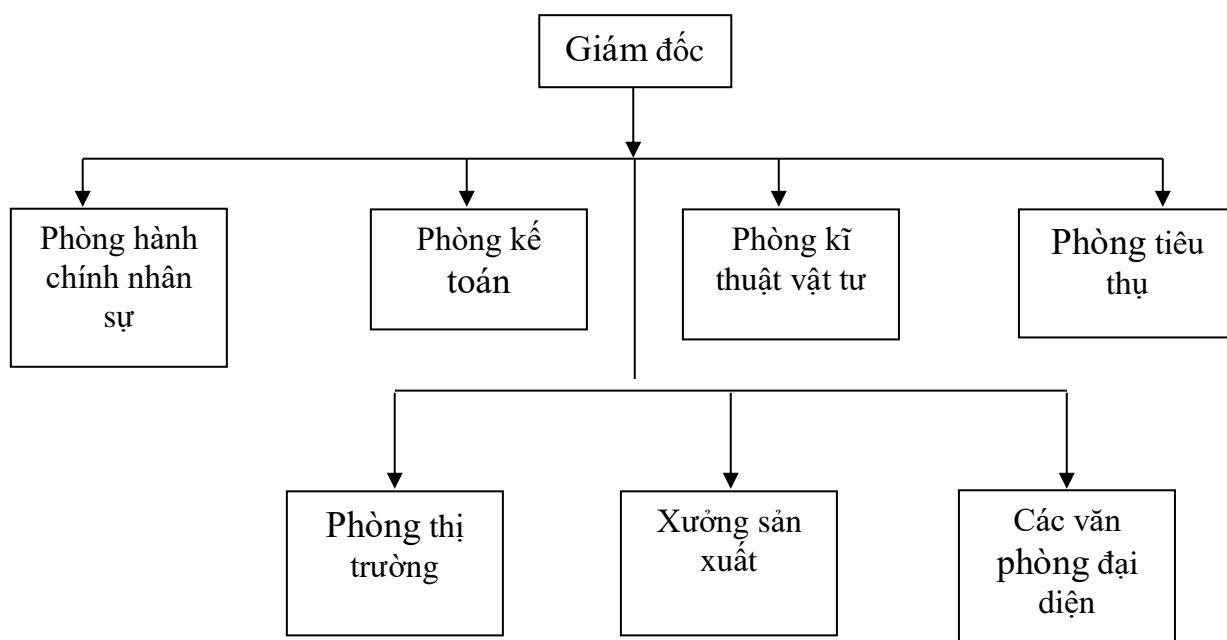
Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	10800
2	Sản xuất sản phẩm chiu lừa	23910
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
5	Chăn nuôi gia cầm	0146
6	Chăn nuôi lợn	01450
7	Hoạt động thú y	75000
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4669
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	46530
13	Bán buôn thực phẩm	4632
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15	Cát tạo đá và hoàn thiện đá	23960
16	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	23950
17	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	23920
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty:

Sơ đồ bộ máy quản lý của doanh nghiệp:



Ghi chú:

- **Giám đốc công ty:** là người đứng đầu công ty, đại diện công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành đến các chiến lược phát triển cho công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Là người trực tiếp tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

- **Phòng hành chính nhân sự:** Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động, lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo, văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.

- **Phòng tài chính kế toán:** Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

- **Phòng kỹ thuật vật tư:** Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

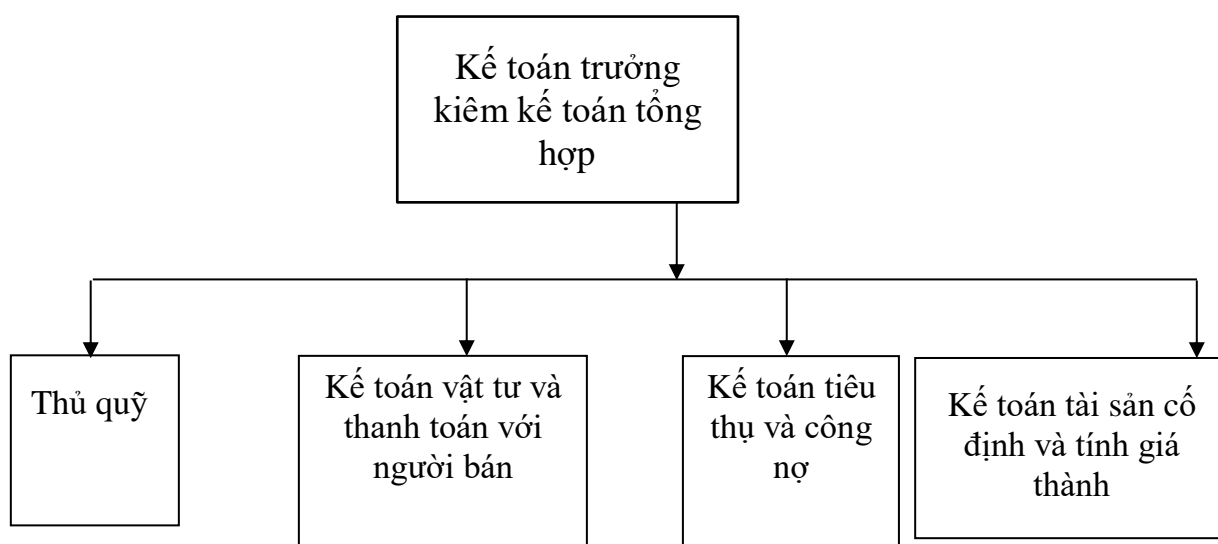
- **Phòng tiêu thụ:** Phòng có chức năng tổ chức và giám sát tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đôn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

- **Phòng thị trường:** Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ.

- **Phân xưởng sản xuất:** Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là các phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:



*Nhiệm vụ:

Đứng đầu bộ máy kế toán là **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp** và **Kế toán tiền lương**: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.

Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán: theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho đối với nguyên liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp. Các tài khoản sử dụng 152(mở chi tiết với từng nguyên vật liệu), 331,...

Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

Kế toán TSCĐ kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tổng hợp

chi phí và tính giá thành sản phẩm. Các tài khoản kế toán sử dụng TK 221, TK 213, TK 621, TK 622, TK 627,...

Thủ quỹ: đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty.

2.1.4.2. Hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo **hình thức Nhật ký chung**

-Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

-Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

-Phương pháp khấu hao TSCD đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

-Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền

-Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên

-Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

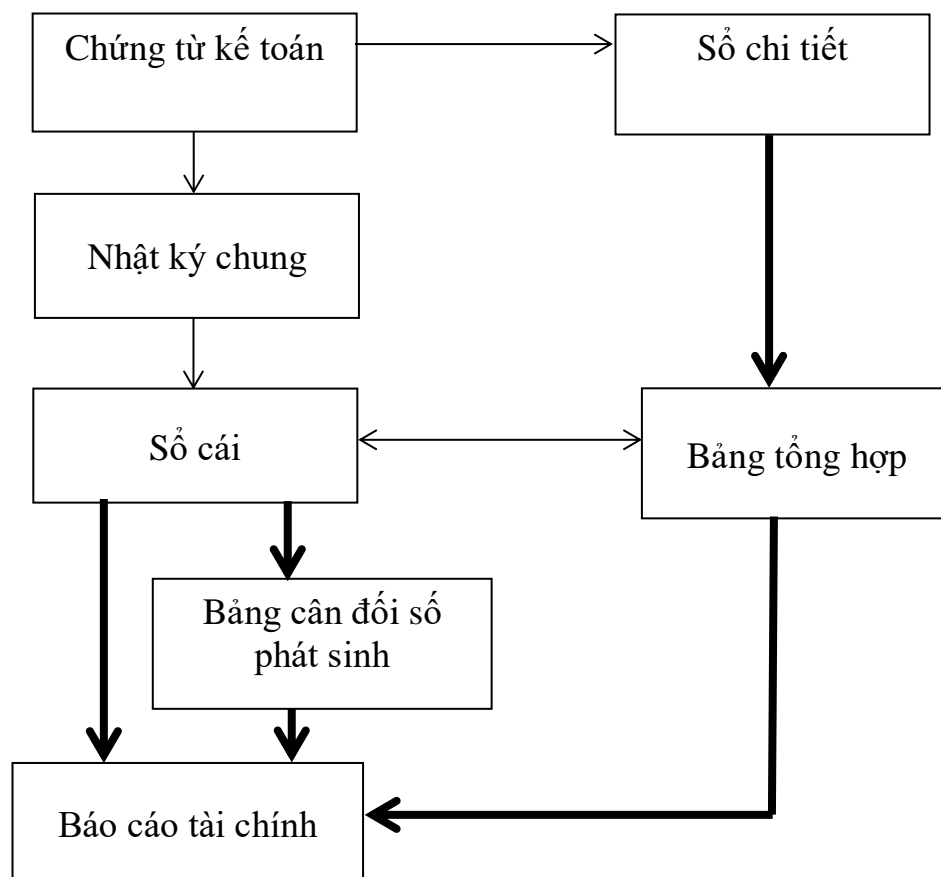
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1.4.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Kiểm tra, đối chiếu ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ

Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC:

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC:

Vốn bằng tiền là một tài sản lưu động trong doanh nghiệp là các hình thức tiền tệ và tài sản: tiền mặt, tiền gửi tại các ngân hàng, và các khoản tiền đang chuyển dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện mua sắm hoặc chi phí hàng ngày.

Tài khoản sử dụng:

TK111: Tiền mặt tại quỹ

TK112: Tiền gửi ngân hàng

Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán vào sổ quỹ tiền mặt hàng ngày. Cuối ngày kế toán và thủ quỹ đối chiếu và ký vào sổ quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt thu chi. Kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái hàng ngày.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu thu
- + Phiếu chi
- + Giấy đề nghị tạm ứng
- + Biên lai thu tiền
- + Giấy đề nghị thanh toán

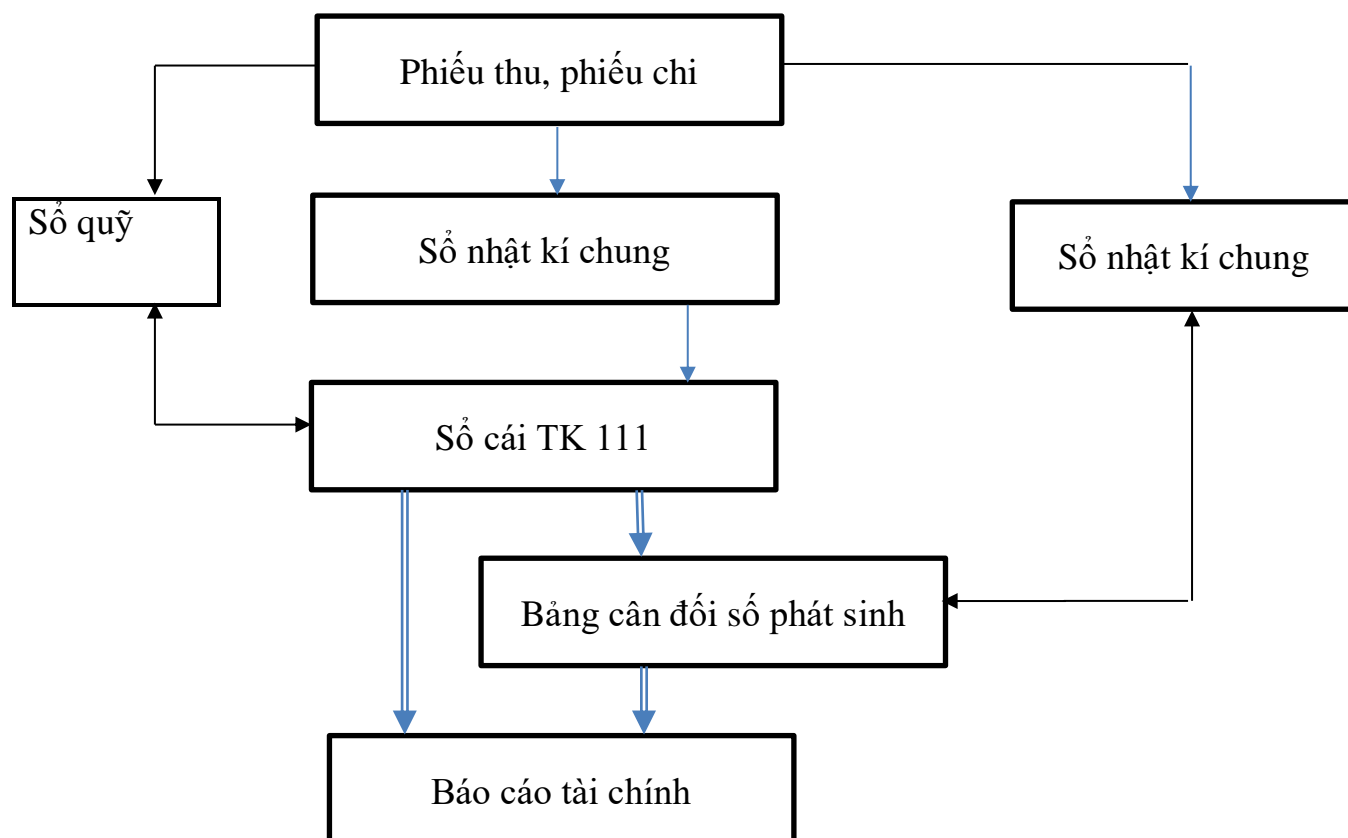
+ Bảng kiểm kê quỹ




2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

TK111 – Tiền mặt

2.2.1.3. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty:

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty:



Ghi chú:
  : ghi hàng ngày
  : ghi cuối tháng hoặc định kì
  : đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn, yêu cầu thu, kế toán lập phiếu thu gồm 3 liên:
- Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu
- Liên 2: Giao cho người nộp tiền
- Liên 3: Thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để ghi sổ kế toán.

- Kế toán ghi đầy đủ nội dung và ký vào phiếu thu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.

- Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

- Phiếu chi được lập căn cứ vào: lệnh chi, yêu cầu chi, đề nghị chi, các quyết định.... và được luân chuyển tương tự phiếu thu.

- Phiếu thu và phiếu chi đều được đánh số liên tục trong 1 kỳ kế toán.

2.2.1.4. Một số ví dụ minh họa:

Nghiệp vụ 1: Ngày 12/04/2017 thanh toán tiền mua ngô hạt HĐ 0000276 ngày 10/03/2017 công ty cổ phần ANOVA FEED số tiền 19.800.000 đồng (Biểu số 2.1 và Biểu số 2.2)

Định khoản:

Nợ 331: 19.800.000

Có 111: 19.800.000

Nghiệp vụ 2: Ngày 21/04/2017 công ty thu 17.130.000 đồng tiền bán hàng (Biểu số 2.3 và biểu số 2.4)

Định khoản:

Nợ TK 1111 : 17.130.000

Có TK 131 : 17.130.000

Nghiệp vụ 3: Ngày 28/04/2017 rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ(Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam), số tiền 70.000.000 đồng (Biểu số 2.5)

Định khoản:

Nợ 111: 70.000.000

Có 112: 70.000.000

Biểu số 2.1(Trích hóa đơn số 0000276)

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: LP/15P

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho người mua

Số: 0000276

Ngày 10 tháng 03 năm 2017

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ANOVA FEED

Địa chỉ: Đường A2, Khu A, KCN, Phố Nội A, Văn Lâm, Hưng Yên, Việt Nam

Số tài khoản: 0591000270920 Tại Ngân hàng Ngoại thương VN- Chi nhánh
Hưng Yên

Điện thoại: 0914 844 639 MST: 1101550146-005

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải
Phòng

Số TK: 3408659 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0200358184

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ngô hạt	Kg	100	90.000	9.000.000
Cộng tiền hàng:					9.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		900.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.900.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký ghi rõ họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Biểu số 2.2: (Trích phiếu chi 02/04)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC
KCN Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Lê Chân, Hải Phòng
MST: 0200358184

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 04 năm 2017

Quyền số:

Số: PC13/04

Nợ 331:9.900.000

Có 111:9.900.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thùy Trang

Địa chỉ:

Lý do chi: Chị Trang trả tiền mua hàng Công ty cổ phần ANOVA FEED

Số tiền: **9.900.000** Viết bằng chữ: **chín triệu chín trăm ngàn đồng.**

Kèm theo 01HĐ 276 chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 04 năm 2017

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Biểu số 2.3 (Trích hóa đơn số 0001007)

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: LP/15P

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 21 tháng 04 năm 2017

Số: 0001007

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại VIC
Địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
Số tài khoản: 3408659 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Hải Phòng
MST: 0200358184

Họ tên người mua hàng: Trần Mạnh Quỳnh

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Số nhà 2B ngõ 512 – Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng

Số TK:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thức ăn chăn nuôi	Kg	1000	17.130	17.130.000
Cộng tiền hàng:					17.130.000
Thuế suất GTGT: 0% Tiền thuế GTGT:					
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.130.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: (Trích phiếu thu 19/04)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

KCN Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Lê Chân, Hải Phòng

MST: 0200358184

Mẫu số 01- TT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 21 tháng 04 năm 2017

Quyển số:

Số: PT19/04

Nợ TK 1111 : 17.130.000

Có TK 131 : 17.130.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Mạnh Quỳnh

Địa chỉ: Số nhà 2B ngõ 512 – Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng

Lý do thu: Thu tiền bán hàng – Quỳnh

Số tiền: **17.130.000** Viết bằng chữ: **Mười bảy triệu một trăm ba mươi ngàn
đồng.**

Kèm theo 01 chứng từ gốc : HĐ 0001007

Ngày 21 tháng 04 năm 2017

Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp tiền Người lập phiếu Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.5: Phiếu báo nợ

	GIẤY BÁO NỢ Ngày 28/04/2017	Mã GDV: Mã KH: Số GD: 06307
Ngân hàng BIDV Chi nhánh: Hà Nội		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC Mã số thuế: 0200358184		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Nợ: 3408659		
Số tiền bằng số: 70.000.000		
Số tiền bằng chữ: bảy mươi triệu đồng		
Nội dung: Rút tiền mặt về nhập quỹ		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu số 2.6: (Trích phiếu thu 27/04)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

KCN Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Lê Chân, Hải Phòng
MST: 0200358184

Mẫu số 01- TT

(Ban hàng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 28 tháng 04 năm 2017

Quyển số:

Số: PT27/04

Nợ TK 111 : 70.000.000

Có TK 112 : 70.000.000

Họ và tên người nộp tiền: Hoàng Thu Quỳnh

Địa chỉ: Số nhà 21/44/430 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Lý do thu: Rút tiền mặt về nhập quỹ

Số tiền: **70.000.000** Viết bằng chữ: **Bảy mươi triệu đồng**

Kèm theo chứng từ gốc :

Ngày 28 tháng 04 năm 2017

Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp tiền Người lập phiếu Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.7: (Trích sổ quỹ tiền mặt)

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S07- DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2017

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
				Thu	Chi	Tồn	
			<u>Số dư đầu kỳ</u>	10.392.451.368	10.755.674.154	<u>370.550.577</u>	
...	
12-04-17	12-04-17	PC13/04	Chi Trang trả tiền mua hàng Cty CP ANOVAFEED	-	9.900.000	63.717.636	
...	
21-04-17	21-04-17	PT19/04	Thu tiền bán hàng – Quỳnh (Trần Mạnh Quỳnh)	17.130.000	-	67.325.124	
...	
28-04-17	28-04-17	PT27/04	Rút TK ngân hàng nhập quỹ	70.000.000	-	65.005.256	
...	
	Cộng số phát sinh			10.392.451.368	10.755.674.154		
	Số dư cuối kỳ					<u>7.327.791</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: (Trích sổ nhật ký chung)

Mẫu số 03a- DN

Công ty TNHH Thương mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
MST :0200358184

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...
PC13/04	12/04/2017	Chi C.Trang trả tiền mua hàng Cty ANOVA FEED	x		331	9.900.000	
PC13/04	12/04/2017	Tiền mặt	x		111		9.900.000
...
PT19/04	21/04/2017	Tiền mặt	x		1111	17.130.000	
		Thu tiền bán hàng – Quỳnh (Trần Mạnh Quỳnh)	x		131		17.130.000
...
PT27/04	28/04/2017	Rút TK ngân hàng nhập quỹ	x		111	70.000.000	
PT27/04	28/04/2017	Tiền gửi ngân hàng tại NH	x		112		70.000.000
...
		TỔNG CỘNG				44.920.797.692	44.920.797.692

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Biểu số 2.9: (Trích sổ cái tài khoản 111)

Công ty TNHH Thương mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
MST :0200358184

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2017
Tên tài khoản : Tiền mặt

Tài khoản
tiền mặt :
111

Đơn vị tính:
VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		370.550.577	
...
PC13/04	12-04-17	Chi Trang trả tiền mua hàng Cty CP ANOVA FEED	331		9.900.000
...
PT19/04	21-04-17	Thu tiền bán hàng – Quỳnh (Trần Mạnh Quỳnh)	131	17.130.000	
...
PT27/04	28-04-17	Thu C.Trúc rút tiền từ tài khoản	112	70.000.000	
...
		Cộng số phát sinh		10.392.451.368	10.755.674.154
		Số dư cuối kỳ		7.327.791	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Thương mại VIC

Hàng ngày, căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có, bảng sao kê của ngân hàng nhận được từ ngân hàng, kế toán vào sổ chi tiết TK112, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK112 và đối chiếu số liệu trên sổ sách TGNH của Công ty với số liệu trên chứng từ ngân hàng, nếu có chênh lệch phải tìm ra nguyên nhân và có bút toán điều chỉnh

2.2.1 Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ kế toán sử dụng:

- + Ủy nhiệm chi
- + Giấy báo nợ
- + Giấy báo có

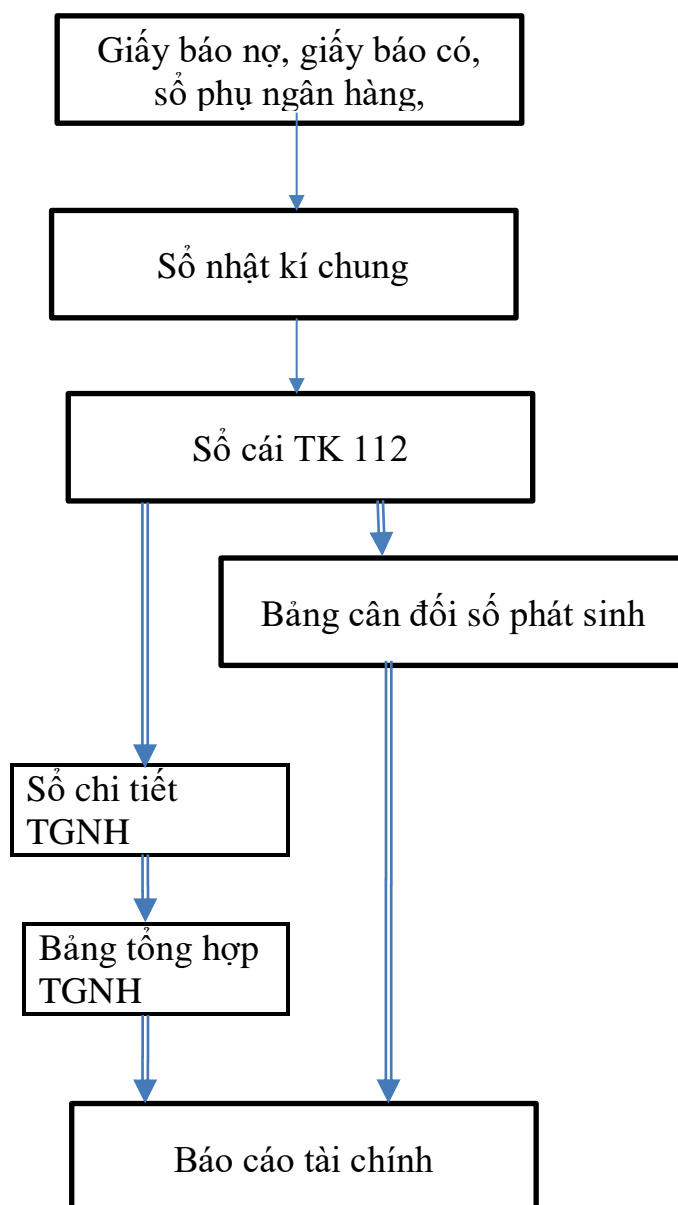
2.2.2 Tài khoản sử dụng



Để phản ánh tình hình tăng giảm về số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK112 – Tiền gửi ngân hàng

Tại công ty giao dịch chủ yếu bằng tiền Việt Nam

2.2.3 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng



Ghi chú:  ghi hàng ngày
 ghi cuối tháng hoặc định kì

2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa:

Nghiệp vụ 01 : Ngày 19/01/2017 Công ty CP SUPE Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao trả tiền hàng bằng chuyển khoản (Biểu số 2.9)

Định khoản:

Nợ TK 112 : 100.000.000

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

Có TK 131 : 100.000.000

Nghiệp vụ 02: Ngày 24/05/2017 Công ty viết ủy nhiệm chi chuyển trả tiền mua ngô hạt cho Công ty CP ANOVA FEED số tiền là: 60.000.000 đồng (Biểu số 2.10)

Định khoản:

Nợ TK 331: 60.000.000

Có TK 112: 60.000.000

Nghiệp vụ 03: Ngày 28/05/2017 Công ty cổ phần phân bón Việt Nhật chuyển khoản trả tiền hàng số tiền 120.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB Bank (Biểu số 2.11)

Định khoản:

Nợ TK 112: 120.000.000

Có TK 131: 120.000.000

Biểu số 2.10: Phiếu báo có

GIAY BAO CO



Ngày 19/01/2017

Mã GDV NGO THICHI

Mã KH 453221

Số GD 2452

Kinh gửi: Công ty TNHH TM VIC

Mã số thuế: 0200358184

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CO tại khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản: 21137519

Số tiền bằng số 100,000,000

Số tiền bằng chữ Một trăm triệu đồng chẵn

Nội dung Công ty Cổ phần SUPE Phot Phat và Hóa chất Lâm Thao thanh toán

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

cong no
Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.11 : (Trích giấy UNC)

BIDV

Số:102

Ngày tháng năm: 24/05/2017

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH TM VIC

Số tài khoản: 3408659

Tại ngân hàng: BIDV

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH CP ANOVAFEED

Số tài khoản: 0591000270920

Tại ngân hàng: BIDV Tỉnh, TP: Hải phòng

Số tiền: Bằng số: 60.000.000

Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua hàng.

.....

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân hàng B

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát

Giao dịch viên

Kiểm soát

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC

Biểu số 2.12: Phiếu báo có

VIB	GIẤY BÁO CÓ	Số: 0011300836271 Ngày: 28/05/2017
CREDIT ADVICE		
Chi nhánh (Branch name): HỘI SỞ Mã số thuế (Branch VAT code): 0200358184		
Mã số khách hàng: Client No.	00074526	
Số tài khoản: RB A/C No.	2561100668008	
Tên tài khoản: RB A/C Name	Công ty TNHH Thương mại VIC	
Nội dung Narrative/Description	Công ty cổ phần phân bón Việt Nhật chuyển khoản trả tiền hàng	
Tên và địa chỉ người chuyển: Ordering Name and Address	Công ty cổ phần phân bón Việt Nhật	
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words	Số tiền : VNĐ	
Một trăm hai mươi triệu đồng VNĐ	120,000,000	
Giao dịch viên/NV NGHIỆP VỤ		KIỂM SOÁT

Biểu số 2.13: (Trích sổ nhật ký chung)

Công ty TNHH Thương mại VIC
 Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
 MST:0200358184

Mẫu số 03a-DN
 (Ban hành theo tư 200/2014/QĐ-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 2017

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
...
19/01	PBC2452	19/01	Công ty CP SUPE Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao trả tiền hàng bằng chuyển khoản	X	112	100.000.000	
					131		100.000.000
....
24/05	UNC102	24/05	Trả tiền mua ngô hạt cho cty CP ANOVAFEED	X	331	60.000.000	
				X	112		60.000.000
28/5	PBC 0011300836271	28/05	Công ty cổ phần phân bón Việt Nhật chuyển khoản trả tiền hàng	X	112	120.000.000	
					131		120.000.000
...
			TỔNG CỘNG			8.229.010.420.569	8.229.010.420.569

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: (Trích sổ cái tài khoản 112)

Công ty TNHH Thương mại VIC
 Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng
 MST :0200358184

Mẫu số S03b- DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)
Tên tài khoản : Tiền gửi ngân hàng

Từ ngày 01 / 01

ngày 31/12/2017

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
			-Số dư đầu kỳ -Số phát sinh trong tháng				<u>3.827.310.000</u>	
19/01	PBC2452	19/01	Công ty CP SUPE Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao trả tiền hàng bằng chuyển khoản			131	100.000.000	
...
24/05	UNC102	24/05	Trả tiền mua ngô hạt cho cty CP ANOVA FEED			331		60.000.000
...
28/05	PBC 0011300836271	28/05	Công ty cổ phần phân bón Việt Nhật chuyển khoản trả tiền hàng			131	120.000.000	
...
			Cộng số phát sinh				70.543.735.116	71.662.415.546
			Số dư cuối kỳ				<u>2.708.629.570</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Giám đốc
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Biểu số 2.15: Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại VIC

Mẫu số: S08 - DN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở TK giao dịch: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - HP

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			- Số dư đầu kỳ: - Số phát sinh trong kỳ:				<u>852.326.000</u>	
19/01	PBC2452	19/01	Công ty CP SUPE Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao trả tiền hàng bằng chuyển khoản	131	100.000.000		203.145.230	
...
			- Cộng số phát sinh trong kỳ: - Số dư cuối kỳ:	x x	<u>13.963.015.366</u> X	<u>14.304.323.526</u> X	x <u>511.017.840</u>	x x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Biểu số 2.16: Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại VIC

Mẫu số: S08 - DN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở TK giao dịch: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			- Số dư đầu kỳ: - Số phát sinh trong kỳ:				<u>1.071.304.000</u>	
24/05	UNC102	24/05	Trả tiền mua ngô hạt cho cty CP ANOVA FEED	131		60.000.000	203.145.230	
...
			- Cộng số phát sinh trong kỳ: - Số dư cuối kỳ:	x x	<u>21.350.269.130</u> X	<u>22.421.573.130</u> X	x <u>890.658.230</u>	x x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.17: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại VIC

Địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

STT	Số TK	Tên ngân hàng	Tồn đầu kỳ	Thu vào	Chi ra	Tồn cuối kỳ
1	3408659	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - HP	852.326.000	13.963.015.366	14.304.323.526	511.017.840
2	2561100668008	Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	1.071.304.000	21.350.269.130	22.421.573.130	890.658.230
3	2100311000443	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	1.923.630.000	35.230.450.620	35.847.127.120	1.306.953.500
		Cộng	<u>3.827.310.000</u>	<u>70.543.735.116</u>	<u>71.662.415.546</u>	<u>2.708.629.570</u>

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương mại VIC:

Trong thời gian đầu tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty gặp phải không ít những khó khăn, thiếu thốn nhưng với sự năng động, sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Công ty đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách để dần khẳng định vị thế của mình. Trước cùng cách làm ăn hiệu quả và sự tín nhiệm của tổng công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng được mở rộng, tạo công ăn việc làm cho lao động trên địa bàn và khu vực lân cận, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách công ty tổng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty phải kể đến sự cố gắng, nỗ lực của nhân viên kế toán trong công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng đã hoàn thành tốt chức năng quản lý và tham mưu tài chính đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty nhịp nhàng, hiệu quả. Trong nền kinh tế thị trường đang ngày càng nâng cao cũng như khối lượng công việc ngày càng nhiều nhưng với lòng hăng say, cống hiến hết mình với công việc, bộ phận kế toán đã không ngừng học hỏi, tìm tòi, đi sâu phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm tự hoàn thiện chuyên môn và năng lực, từng bước hoàn thiện và phát triển bộ máy kế toán.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Về công tác kế toán hiện hành tại Công ty TNHH Thương mại VIC luôn luôn tuân thủ đúng quy định của Luật kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán hiện hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và đảm bảo tính nhất quán, minh bạch trong việc áp dụng các chính sách kế toán trong công tác hạch toán.

-Về bộ máy kế toán:

+ Áp dụng theo hình thức tập trung, được bố trí gọn nhẹ, phân công chức năng công việc phù hợp, hợp lý, hiệu quả. Tính chuyên môn hóa cao giúp cho công tác kế toán diễn ra hiệu quả tránh chồng chéo công việc hay bỏ sót công việc. Các thành viên trong phòng luôn gắn kết chặt chẽ trong công việc, phối hợp nhịp nhàng trong quá trình làm việc. Đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, giàu kinh nghiệm chuyên môn nắm vững những quy định của Luật kế toán. Công ty định kỳ có các buổi học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

+ Vốn bằng tiền được quản lý một cách chặt chẽ, thông tin kịp thời chính xác các nghiệp vụ thu, chi, tồn quỹ, vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của BTC ban hành.

+ Nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn, độc lập, nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như tổng hợp các thông tin kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, chính xác.

-Về hạch toán kế toán:

+ Về chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ Kế toán của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán được ghi đầy đủ, chính xác thông tin, phù hợp với yêu cầu kinh tế và giá trị pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trình tự luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính rõ ràng, không chồng chéo thuận tiện cho kế toán khi đối chiếu cũng như khi kiểm tra số liệu, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Về sổ sách kế toán: Cán bộ kế toán đã ở các sổ sách cần thiết để theo dõi

thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, phản ánh thông tin kế toán đầy đủ, chính xác, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng: Áp dụng đúng các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính – kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp theo hệ thống chứng từ và tài khoản theo thông tư số : 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

-Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền :

+ Hệ thống chứng từ kế toán: Việc quản lý chứng từ gốc về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc.

+ Công tác kế toán vốn bằng tiền: Việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành đầy đủ, kịp thời. Cuối mỗi quý thực hiện kiểm kê quỹ và đối chiếu số dư nhằm hạn chế sai sót, hạn chế việc gian lận trong quản lý tiền mặt.

+ Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt do vậy quá trình quản lý vốn bằng tiền tại Công ty là rất chặt chẽ:

- Tiền mặt được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, đảm bảo tính an toàn cao.

- Mọi biến động của vốn bằng tiền được làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

+ Kế toán tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại Ngân hàng, liên hệ chặt chẽ và tập hợp theo dõi đầy đủ chứng từ liên quan tới tiền gửi Ngân hàng. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ theo mẫu của BTC ban hành.

Lãnh đạo cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ tình hình thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán trung thực, hợp lý, rõ ràng các chỉ tiêu kinh tế, đáp ứng tính liên tục, hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty.

Như vậy, với việc tổ chức công tác vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của Công ty đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng.

-Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:

Tại Công ty, Ban lãnh đạo thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán nhằm nâng cao công tác kế toán, tạo nên bộ máy hoàn chỉnh thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng. Nhờ chiến lược đó, hiện nay Công ty TNHH Thương mại VIC có một đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ với tinh thần trách nhiệm và thái độ làm việc cao, hiệu quả.

3.1.2. Hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền :

Bên cạnh những ưu điểm thì công ty TNHH Thương mại VIC không tránh khỏi những mặt hạn chế tại công ty:

-Tài sản cố định nên đánh mã hiệu từng loại tài sản và sát sao lập thẻ TSCĐ để kế toán tính khấu hao cho chuẩn xác ngày sử dụng, phân bổ

hợp lý từng bộ phận sử dụng.

-Những tài sản hết khấu hao không sử dụng đến nên thanh lý.

-Hàng tồn kho nên dự toán tính toán cho gọn gàng để nhập vật tư về tránh việc nhập vật tư cho công trình thừa nhiều quay về nhập kho.

-Về luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính, việc lập biểu xuất kho ở Công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, chưa đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể, không có sổ sách giao nhận, lại do đặc điểm sản xuất kinh doanh là thi công tác công trình xây dựng, địa bàn hoạt động rộng nên việc tập hợp số liệu chứng từ sổ sách còn chậm chạp, dễ gây ra mất mát, dẫn đến việc chậm trễ trong việc ra quyết định đối với nhà quản lý.

-Về việc kiểm kê quỹ: Định kỳ, việc kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kê kiểm quỹ chưa được thực hiện chi tiết, vì vậy việc theo dõi đối chiếu số tiền

thực tế có tại quỹ với sổ kế toán tiền mặt nhiều khó khăn, chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho các quyết định mua bán và thanh toán bằng tiền mặt của Công ty.

-Về việc trích lập dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán, vì vậy khi xảy ra trường hợp khách hàng khó có khả năng thanh toán, vì vậy khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản, không có khả năng thanh toán thì Công ty không có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.

-Hiện nay Công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: Word, Excel... nên vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính và phần mềm trong hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động và thời gian ghi chép của nhân viên kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương mại VIC:

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần TNHH Thương mại VIC, căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức bộ máy kế toán, căn cứ vào quy định của Nhà nước và Bộ Tài Chính, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC, kết hợp với kiến thức được trang bị tại trường, em xin đưa ra một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.

3.2.1. Giải pháp 1: Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC:

Để đạt được hiệu quả cao trong công tác kế toán cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh Công ty TNHH Thương mại VIC nên áp dụng, hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty bằng việc triển khai các mô hình phần mềm kế toán cho tổ chức công tác kế toán hiện tại.

Tuy nhiên, làm sao để chọn ra một phần mềm kế toán phù hợp trong hàng trăm phần mềm được bày bán hiện nay là điều không hề đơn giản. Vì vậy, khi chọn lựa phần mềm kế toán, điều đầu tiên là các doanh nghiệp sẽ phải cân nhắc

xem phần mềm đó có phù hợp với quy mô và nhu cầu hiện tại của doanh nghiệp hay không. Mặt khác, do sản phẩm phần mềm kế toán là sản phẩm trừu tượng, không thể kiểm định ngay nên đa số các doanh nghiệp thường lựa chọn thông qua giới thiệu hoặc dựa vào thương hiệu, uy tín của đơn vị cung cấp.

Thực tế là doanh nghiệp đã khá lúng túng khi muốn tiếp cận một phần mềm cụ thể. Bởi lẽ, các phần mềm kế toán được thiết kế theo quy mô hơn là theo từng ngành nghề lĩnh vực. Ngoài ra, xuất phát từ việc phần mềm kế toán phải theo chuẩn kế toán và theo quy định của Bộ tài chính nên đa số các phần mềm kế toán hiện nay không khác nhau nhiều.

Dù vậy, mỗi nhà cung cấp đều cố gắng hướng sản phẩm tới những đối tượng riêng. Dưới đây là một số thông tin về các phần mềm kế toán tiêu biểu với các tiện ích như: Giá thành rẻ, có tính ổn định, dễ nâng cấp, cập nhật... Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán hiệu quả như: Phần mềm kế toán MISA, EFFECT, FAST, BRAVO... và các phần mềm kế toán nước ngoài khác như: MYOB, QuickBooks, PeachTree... Công ty TNHH Thương mại VIC có thể tham khảo, từ đó có những quyết định đúng đắn cho riêng mình.



Không quảng bá rầm rộ, sản phẩm cũng không tham gia vào các đợt tranh tài về giải thưởng nhưng phần mềm kế toán của Bravo lại nằm ở vị trí số 1 trong top các phần mềm kế toán được đánh giá cao nhất.

Theo nhận xét của những người trong ngành, phần mềm Bravo có nhiều tính năng nổi trội.

Thứ nhất, phần mềm Bravo cho phép doanh nghiệp triển khai hiệu quả các phân hành thuộc nghiệp vụ kế toán như theo dõi sổ kế toán, nắm rõ việc thu- chi, mua bán hàng hóa, quản lý tài sản và hàng tồn kho, tính giá thành sản phẩm... Đặc biệt, phần mềm Bravo cho phép liên kết dữ liệu số liệu, có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu, tự sao lưu số liệu theo lịch đã lập...

Thứ hai, Bravo là một trong số ít nhà cung cấp hướng theo hình thức customize, tức cho phép phần mềm được hiệu chỉnh tự do. Vì thế, từ phần mềm cơ bản là Bravo 6.3, sẽ tùy nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình riêng.

Tuy nhiên, điểm nổi bật của Bravo chính là ổn định của chương trình, sự

đơn giản và dễ sử dụng; Ngoài ra, phần mềm cho phép chạy mạng đa người dùng (Mạng LAN, mạng WAN ...), bảo mật và phân quyền chi tiết.

Rõ ràng, phần mềm kế toán Bravo đã thỏa mãn phần nào nhu cầu doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Đức Vy, trưởng phòng kinh doanh Công ty Bravo “chính vì phần mềm viết riêng cho từng doanh nghiệp nên doanh nghiệp sẽ phải trả một chi phí lớn hơn rất nhiều so với mua sản phẩm trọn gói” “để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng một cách tốt nhất theo đúng cam kết chất lượng ISO mà công ty đã đặt ra BRAVO không ngừng phát triển sản phẩm theo hướng chuyên sâu về nghiệp vụ và áp dụng các công nghệ tiên tiến”.

Hiện tại, theo ông Nguyễn Đức Vy, Công ty Bravo “giá phần mềm có thể xê dịch từ vài ngàn USD đến vài chục ngàn USD” “khi xác định giá phần mềm kế toán cho một doanh nghiệp Công ty Bravo sẽ khảo sát chi tiết các yêu cầu quản trị cũng như nghiệp vụ của doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý nhất”.

Phần mềm kế toán của FAST:

Khác với Bravo chỉ tập trung vào 1 phiên bản là Bravo 6.3, công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp (FAST) đã cho ra đời 4 dòng sản phẩm. Cụ thể gồm:

Phần mềm Fast Accounting:

Mỗi năm, phần mềm này được nâng cấp và cho ra những phiên bản mới với nhiều tính năng và tiện ích. Chẳng hạn, Fast Accounting 2009 đã cập nhập chế độ tài chính, kế toán và thuế mới nhất. Ngoài ra, Fast Accounting 2009 cho phép doanh nghiệp theo dõi dòng tiền, quản lý công nợ; quản lý hàng tồn kho; Cung cấp các chương trình tính giá thành bằng nhiều phương pháp; Cho phép quản lý số liệu liên năm; quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở, nhiều thời kỳ khác nhau.

Fast Accounting cũng có tính mềm dẻo, khả năng bảo mật, có thể chạy trên nhiều mạng như Windows Server hoặc Novell Netware. Ngoài ra, phần mềm

confcos các tính đa tác vụ, tự động hóa xử lý số liệu, tiện ích nhập liệu, hỗ trợ tốc độ lập báo cáo...

Đây là sản phẩm được ưa chuộng và đa số đều chọn giải pháp trọn gói.

Phần mềm Fast Business: Là phần mềm áp dụng cho doanh nghiệp vừa ứng dụng nghiệp vụ trong phòng kế toán, vừa mở rộng quản lý ra toàn doanh nghiệp, phục vụ tất cả các phòng ban.

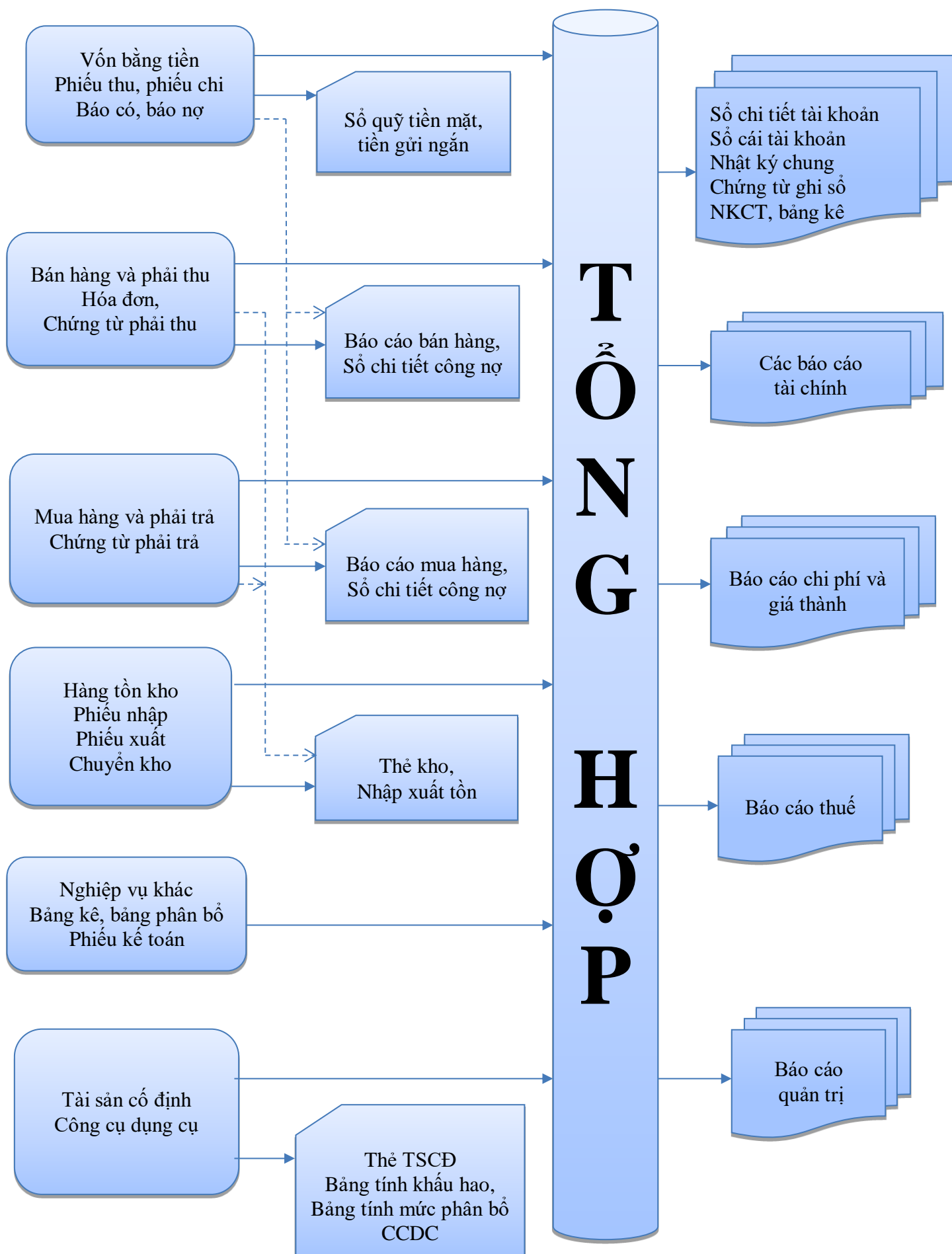
Fast Business bao gồm Fast Financial: Bộ chương trình về quản lý tài chính kế toán; Fast Distribution: bộ chương trình về mua bán hàng, quản lý hàng tồn kho; Fast Manufacturing: bộ chương trình về quản lý sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu; Fast HRM: quản lý nhân sự, lương; Fast CRM: bộ chương trình về quản lý khách hàng.

Với nhiều chương trình như vậy, Fast Business trở là phần mềm có nhiều tính năng nhất, đáp ứng yêu cầu kế toán phức tạp. Tuy nhiên, trong thời buổi khó khăn hiện nay, doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng ERP vì thế việc tiêu thụ phần mềm này ít nhiều bị ảnh hưởng.

Phần mềm Fast Accounting S: Đây là phần mềm kết hợp giữa Fast

Accounting và Fast Business. Phần mềm được dự báo sẽ bán chạy trong thời gian tới do tính năng đầy đủ, lại sử dụng kỹ thuật và công nghệ cao từ Fast Business. Đặc biệt, giá thành của Fast Accounting S lại không chênh lệch bao nhiêu so với giá phần mềm Fast Accounting (khoảng 1000 USD cho máy chủ, 200 USD mỗi máy trạm).

Phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction 10.2: Phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction bao gồm 14 phân hệ nghiệp vụ, cho phép người sử dụng đưa giá dự toán và chương trình để kiểm toán chi phí. Giúp kế toán tập hợp chi phí theo dự toán công trình, yêu cầu bắt buộc với ngành xây dựng là có dự toán được duyệt và phân tập hợp chi phí cho công trình phù hợp với dự toán.



Phần mềm hỗ trợ đưa giá thành kế hoạch từ file Excel vào chương trình. Chương trình hỗ trợ phân cập nhật dự toán từ Excel bằng cách tạo một bảng Excel sẵn từ chương trình người sử dụng chỉ việc cắt dán đưa vào phần mềm.

Khi dự toán thay đổi, kế toán có thể cập nhật dự toán mới vào chương trình, đồng thời chương trình vẫn cho lưu phần dự toán cũ trong chương trình để kiểm tra khi cần thiết.

Phần mềm Fast Accounting for Construction có những phân hệ sau:

Kế toán tổng hợp

Kế toán vốn bằng tiền

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Kế toán hàng tồn kho

Kế toán chi phí, giá thành vụ việc công trình xây dựng

Kế toán tài sản cố định

Kế toán công cụ dụng cụ

Báo cáo thuế

Báo cáo quản trị

Khi triển khai phần mềm mới Fast Accounting for Construction cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, giải pháp chuyên ngành này sẽ phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, giảm thiểu những sửa đổi về chương trình, giảm thiểu thời gian triển khai, nhanh chóng đưa hệ thống vào vận hành, sớm mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Phần mềm Fast Book: Ra đời cuối năm 2017. Phần mềm này có 11 phân hệ như quản trị hệ thống, kế toán tổng hợp ... Fast Book được thiết kế đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn theo chuẩn mực của Bộ Tài Chính nhằm phục vụ cho doanh nghiệp mới khởi nghiệp, doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Như vậy, FAST đã tạo ra nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Tính đến nay, đã hơn 2500 doanh nghiệp là khách hàng của FAST.

Phần mềm kế toán MISA – SME.NET 2012:

Phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA-SME được đánh giá là một trong những giải pháp Công nghệ thông tin hay nhất, và được coi là một giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm:

Đơn giản, dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí đầu tư.

Bảo hành, bảo trì nhanh chóng, kịp thời.

Hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Hình ảnh giao diện thân thiện.



Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, mỗi phân hệ trong chương trình tương ứng với một phân hành kế toán tại doanh nghiệp như: Mua hàng, bán hàng, quản lý kho... được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp cho doanh nghiệp làm chủ hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở mọi thời điểm thông qua internet. Cụ thể: Phân hệ quỹ, Phân hệ ngân hàng, Phân hệ mua hàng, phân hệ kho, phân hệ tài sản cố định, phân hệ tiền lương, phân hệ giá thành, phân hệ thuế, phân hệ hợp đồng, phân hệ cổ đông, phân hệ ngân sách, phân hệ tổng hợp.

Giá báo 9.950.000 đồng.

Là một doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh nên áp dụng phần mềm kế toán Fast Accounting For Construction trong công tác kế toán trong thời gian tới để đạt được hiệu quả cao hơn bởi những lý do sau:

Đơn giản, dễ sử dụng.

Có tính năng đa tác vụ, tự động hóa xử lý số liệu, tiện ích nhập liệu, hỗ trợ tốc độ lập báo cáo.

Liên tục cập nhật dự toán mới vào chương trình sử dụng.

Hình ảnh giao diện thân thiện ...

Với sự lựa chọn này, chắc chắn Công ty TNHH Thương mại VIC sẽ đạt được những kết quả tốt hơn trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình trong thời gian tới.

3.2.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ định kỳ :

Việc kiểm kê quỹ của Công ty TNHH Thương mại VIC được tiến hành định kỳ vào cuối quý, cuối năm, do đó, muốn kiểm tra đột xuất thì Công ty TNHH Thương mại VIC nên tiến hành kiểm kê vào cuối mỗi tháng hoặc định kỳ khi cần thiết có thể kiểm tra và khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số liệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Bản kiểm kê quỹ được thành lập 02 bản: Mỗi bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Ưu điểm: Giúp cho nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số thừa
thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ,
làm rõ cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a- TT

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	X

- Lý do: + Thừa:
- + Thiếu:
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn
thương mại VIC*

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số 08a- TT

Địa chỉ: KCN Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 15 giờ 00 ngày 30 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Đỗ Bích Phượng

Đại diện kế toán

Ông/Bà: Vũ Thị Thùy Dương

Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: Nguyễn Đức Trung

Đại diện phó giám đốc

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	X	205.472.000
II	Số kiểm kê thực tế	X	205.472.000
1	Trong đó: - Loại 500.000	400	200.000.000
2	- Loại 200.000	25	5.000.000
3	- Loại 100.000	4	400.000
4	- Loại 50.000	1	50.000
5	- Loại 20.000	1	20.000
6	- Loại 2.000	1	2.000
III	Chênh lệch (III = I – II)	X	0

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nếu có chênh lệch chưa rõ nguyên nhân thì hạch toán:

- Thừa: Nợ TK 111
Có TK 3381
- Thiếu: Nợ Tk 1381
Có TK 111

Sau đó tìm nguyên nhân xử lý:

- Thừa: Nợ TK 3381
Có TK 711
- Thiếu: Nợ TK 811
Có TK 1381

3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ:

Hiện nay, theo quy định của Công ty, các chứng từ ban đầu là các hóa đơn GTGT do phòng kinh doanh và các cửa hàng lập rồi chuyển lên phòng kế toán. Quy trình đó là không sai so với chế độ kế toán hiện hành, song song quá trình luân chuyển dễ dẫn đến tình trạng mất mát chứng từ, do đó, Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng, các bộ phận và bắt buộc có chữ ký của các bên. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ						
Từ ngày ... Đến ngày ...						
Ngày, tháng giao nhận	Số liệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Loại chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
1	2		3	4	5	6

KẾT LUẬN

Kế toán vốn bằng tiền là công tác quan trọng không thể thiếu trong mỗi Công ty, các doanh nghiệp cũng như trong các cơ quan hành chính nhà nước. Một doanh nghiệp muốn tồn tại và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường thì không thể coi nhẹ công tác “Kế toán vốn bằng tiền”, có được phương thức tổ chức kế toán tốt vốn bằng tiền giúp doanh nghiệp quản lý được đồng vốn bỏ ra hạn chế tối đa thất thoát và sử dụng đồng vốn một cách tiết kiệm có hiệu quả nhất. Cũng xuất phát từ chính tầm quan trọng của Kế toán vốn bằng tiền, em đã đi sâu vào tìm hiểu và thực hiện đề tài hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại một đơn vị thực tế và đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền như : kiến nghị về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán, công tác kiểm kê quỹ, hoàn thiện luân chuyển chứng từ, ...

Thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC, được tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc của Công ty, bước đầu em đã định hình được công việc cụ thể của một nhân viên kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung mà Công ty đang sử dụng, em đã biết được cách ghi sổ sách chứng từ kế toán trong thực tế. Đó là hành trang quý giá, là tiền đề cho công việc trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn sự quan tâm chỉ bảo tận tình của cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng, em cảm ơn ban lãnh đạo Công ty, đặc biệt là các cán bộ trong phòng tài chính kế toán của Công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2019
Sinh viên

Nguyễn Thị Như Quỳnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)** – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)** – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới** – TS. Võ Văn Nhị.
- 4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam** – NXB Lao động.
- 5. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT** – TS. Võ Văn Công
- 6. Tài liệu tham khảo** tại Phòng kế toán Công ty TNHH Thương mại VIC